

PHÂN NHÌ

HÒA ÂM



HÒA ÂM NGHỊCH

VĐ-VĐ

50

PHÂN NHÌ

HÒA ÂM

HÒA ÂM NGHỊCH

(HARMONIE DISSONANTE)



BÀI XXX

Hợp âm nghịch

(ACCORDS DISSONANTS)

Hợp âm thất trình áp âm

(ACCORD DE SEPTIÈME DE DOMINANTE)

.

DANH TỪ PHÁP DỊCH RA VIỆT :

Accord dissonant	:	hợp âm nghịch.
Accord de 7 ^e de dominante	:	hợp âm thất trình áp âm.
Accord de 9 ^e majeure	:	hợp âm cửu trình trường.
Accord de 9 ^e mineure	:	hợp âm cửu trình đoản.
Accord de 7 ^e de sensible	:	hợp âm thất trình cảm âm.
Accord de 7 ^e diminué	:	hợp âm thất trình bớt.
Accord dissonant artificiel	:	hợp âm nghịch nhân tạo.

Accord dissonant naturel	: hợp âm nghịch tự nhiên.
Accord de sixte et quinte diminuée	: hợp âm lục ^{trình} và ngũ trình bớt.
Accord de sixte sensible	: hợp âm lục ^{trình} cảm âm.
Accord de triton	: hợp âm tam âm.
3 ^e renversement	: thể đảo thứ ba.
Résolution naturelle	: giải quyết tự nhiên.
Résolution exceptionnelle	: giải quyết đặc biệt.

* *

Từ trước đến nay, chúng ta chỉ mới nghiên-cứu phần **Hòa âm thuận**. Phần hòa âm thuận là phần hòa âm có mục-dịch đề cập những hợp âm thuận.

Bắt đầu từ bài này, chúng ta nghiên-cứu đến phần **Hòa âm nghịch**. Phần Hòa âm nghịch là phần Hòa âm có mục đích đề cập những hợp âm nghịch.

Chúng ta cần định nghĩa lại **hợp âm thuận** và **hợp âm nghịch**.

Hợp âm thuận (accord consonant) là hợp âm được cấu tạo nhờ những hòa hài (consonance).

Hợp âm nghịch (accord dissonant) là hợp âm được cấu tạo vừa nhờ những hòa hài (consonance) vừa nhờ những nghịch hài (dissonance).

Nói một cách khác, hợp âm thuận là hợp âm gây cho chúng ta một cảm giác dễ chịu, khoái tai và hợp âm nghịch là hợp âm gây cho chúng ta 1 cảm giác khó chịu, chướng tai.

Chúng ta có thể thắc-mắc rằng : sao âm nhạc lại có thể thừa nhận được những hợp âm nghịch là những hợp âm gây cho chúng ta 1 cảm giác khó chịu, chướng tai.

Một nhạc sĩ dùng hợp âm nghịch với hợp âm thuận có khác nao một họa-sĩ dùng màu đen đặt bên màu trắng đâu ! Nhờ những hợp âm nghịch mà những hợp âm thuận tăng thêm phần giá-trị. Nhờ màu đen mà màu trắng tăng thêm phần sáng sủa.

Thuận nghịch, đen trắng tuy la tương-phản, nhưng lại tương-hộ.

Một cuộc đời phong ba, chìm nổi, gập ghềnh lại có năng lực làm cho những ngày sống bình yên, phẳng lặng tăng thêm giá trị mà thôi. Sống mãi 1 cuộc đời quá yên lặng, chúng ta cũng chán. Dùng mãi màu trắng, bức họa trở nên nhợt-nhạt. Đánh mãi một hợp âm thuận, âm nhạc trở nên đơn-diệu.

Công dụng của hợp âm nghịch là thế.

Tuy hợp âm nghịch có ích cho hợp âm thuận, nhưng hợp âm thuận luôn-luôn đóng vai trò quan trọng nhất trong âm nhạc.

Đứng về mặt hòa âm thì **hợp âm nghịch** là thứ hợp âm gồm có 4 âm thanh trở lên (không kể đến âm kép).

Hợp âm nghịch chia ra làm 2 thứ :

1^o) **Hợp âm nghịch tự nhiên** (accord dissonant naturel).

2^o) **Hợp âm nghịch nhân tạo** (accord dissonant artificiel).

Những hợp âm nghịch tự nhiên gồm có những hợp âm sau đây :

a - **Hợp âm thất trình áp âm** (accord de septième de dominante).

b - **Hợp âm cửu trình áp âm** (accord de neuvième de dominante)

c. — Hợp âm thất trĩa cảm âm (accord de septième de sensible).

s. — Hợp âm thất trĩa bớt (accord de septième diminuée)

Những hợp âm nghịch nhân tạo gồm có những hợp âm sau đây :

a. — Hợp âm thất trĩa đoản (accord de septième mineure).

b. — Hợp âm thất trĩa đoản và ngũ trĩa bớt (accord de septième mineure et quinte diminuée).

c. — Hợp âm thất trĩa trường (accord de septième majeure).

Chúng ta lần lượt nghiên cứu từng thứ hợp âm nghịch một.

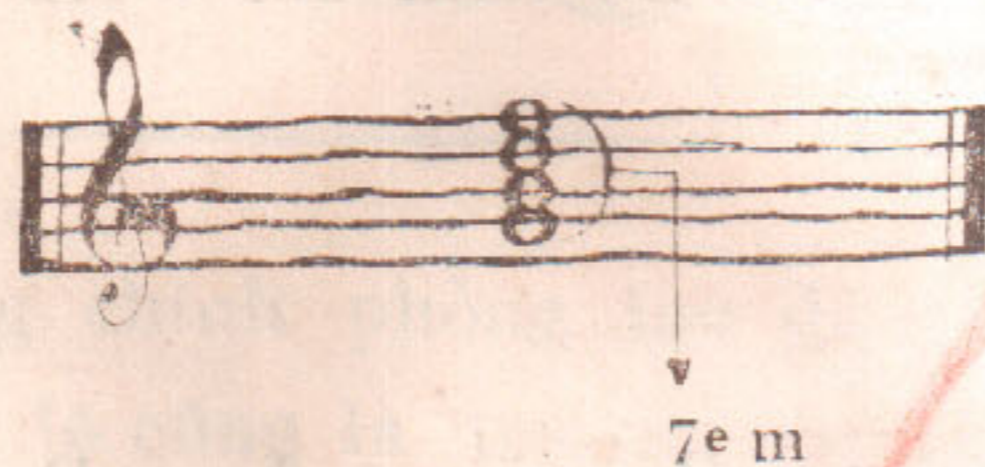
HỢP ÂM NGHỊCH TỰ NHIÊN (ACCORD DISSONANT NATUREL)

1o) **HỢP ÂM THẤT TRĨNH ÁP ÂM** (Accord de septième de dominante).

Hợp âm thất trĩa áp âm, đúng theo danh hiệu của nó, là một hợp âm nghịch tự nhiên nằm trên áp âm (âm cấp thứ 5). Âm trĩa đặc biệt của hợp âm này là **thất trĩa đoản**.

Ví dụ :

Âm thể chính CM G7.



Nói một cách khác, hợp âm thất trĩa áp âm là 1 hợp âm gồm có một âm hiệu cơ bản và 3 âm trĩa : tam trĩa trường, ngũ trĩa đúng và thất trĩa đoản.

Ví dụ



Tóm tắt lại, hợp âm thất trĩa áp âm chính là hợp âm hoàn toàn trường (accord parfait majeur) cộng thêm thất trĩa đoản.

Hợp âm thất trĩa áp âm = hợp âm hoàn toàn trường + thất trĩa đoản.

Ví dụ chúng ta muốn có hợp âm thất trĩa áp âm của âm thể chính Do trường, thì chúng ta lấy hợp âm hoàn toàn của áp âm cộng thêm thất trĩa đoản.




Hợp âm thất trĩa áp âm của âm thể chính CM = Sol - Si - Ré + Fa
hợp âm trường 7^e



Hợp âm trên gồm có hợp âm Sol trường cộng thêm thất trĩa đoản là Fa. Hợp âm trên

CÁCH ĐẶT SỐ

Muốn đặt số cho hợp âm thất trình áp âm thì chúng ta đặt trên hoặc dưới bè thỏ con số 7 nằm trên dấu thập (+). Dấu thập tượng trưng cho cảm âm. Ví dụ:

G7	C7	Bb7
		
7 +	7 +	7 +

THỂ ĐẢO CỦA HỢP ÂM THẤT TRÌNH ÁP ÂM

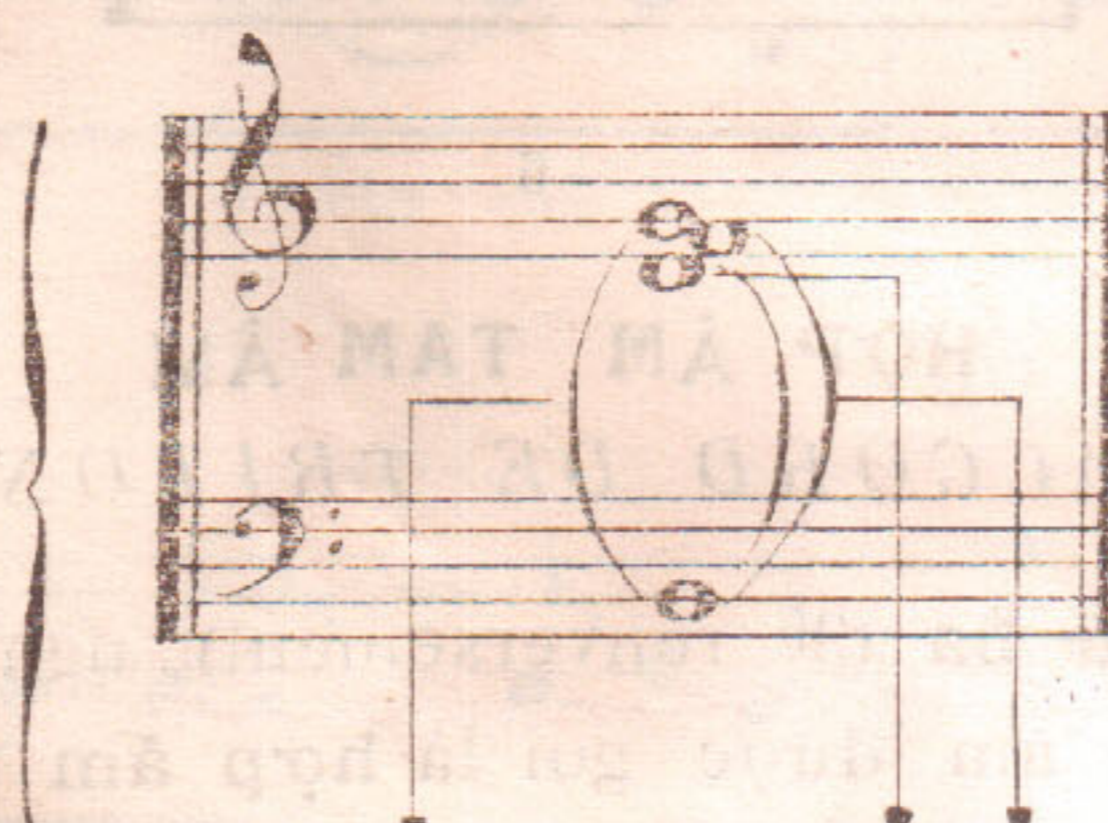
Từ trước đến nay, chúng ta chỉ học 2 thể đảo mà thôi: thể đảo thứ nhất, thể đảo thứ nhì. Nhưng hợp âm thất trình áp âm là 1 hợp âm có 4 âm thanh. Vì vậy, hợp âm này có 3 thể đảo: thể đảo thứ nhất, thể đảo thứ nhì, thể đảo thứ ba (3^e renversement).

HỢP ÂM LỤC VÀ NGŨ TRÌNH BỚT (ACCORD DE SIXTE ET QUINTE DIMINUÉE)

Nếu dùng về thể đảo thứ nhất thì hợp âm thất trình áp âm được gọi là hợp âm lục và ngũ trình bớt (accord de sixte et quinte diminuée). Ví dụ:

G7

Sol thất trình áp âm về thể đảo thứ nhất



6^e m 3^e m 5^e dim
Hợp âm lục và ngũ trình bớt

Hợp âm lục và ngũ bớt gồm có 3 thứ âm trình: tam trình đoản, ngũ trình bớt và lục trình đoản. Chúng ta dùng phân số 6 trên 5 (6/5) để đặt số cho hợp âm này.

Ví dụ,

G7



6
5

HỢP ÂM LỤC TRÌNH CẢM ÂM
(ACCORD DE SIXTE SENSIBLE)

Nếu dùng về thể đảo thứ nhì thì hợp âm thất trình áp âm được gọi là **hợp âm lục trình cảm âm** (accord de sixte sensible). Ví dụ :

Sol thất trình áp âm về
thể đảo thứ nhì

G7

6te M 3cem 4te j
Hợp âm lục trình cảm âm.

Hợp âm lục trình cảm âm gồm có 3 thứ âm trình : tam trình đảo, tứ trình đúng và lục trình trưởng.

Chúng ta dùng con số 6 đặt bên mặt dấu thập (+6) để đặt số cho hợp âm này. Ví dụ :

G7

+6

HỢP ÂM TAM ÂM
(ACCORD DE TRITON)

Nếu dùng về thể đảo thứ ba (3e renversement) nghĩa là thể đảo có cảm âm nằm ở bè thấp, thì hợp âm thất trình áp âm được gọi là **hợp âm tam âm** (accord de triton).

Ví dụ :

Sol thất trình áp âm
về
thể đảo thứ ba

G7

6te M 2de M 4te aug
Hợp âm tam âm

Hợp âm tam âm gồm có 3 thứ âm trình : nhị trình trưởng, tứ trình thêm, lục trình trưởng.

Chúng ta dùng con số 4 đặt bên mặt dấu thập (+4) để đặt số cho hợp âm này. Ví dụ :

G7



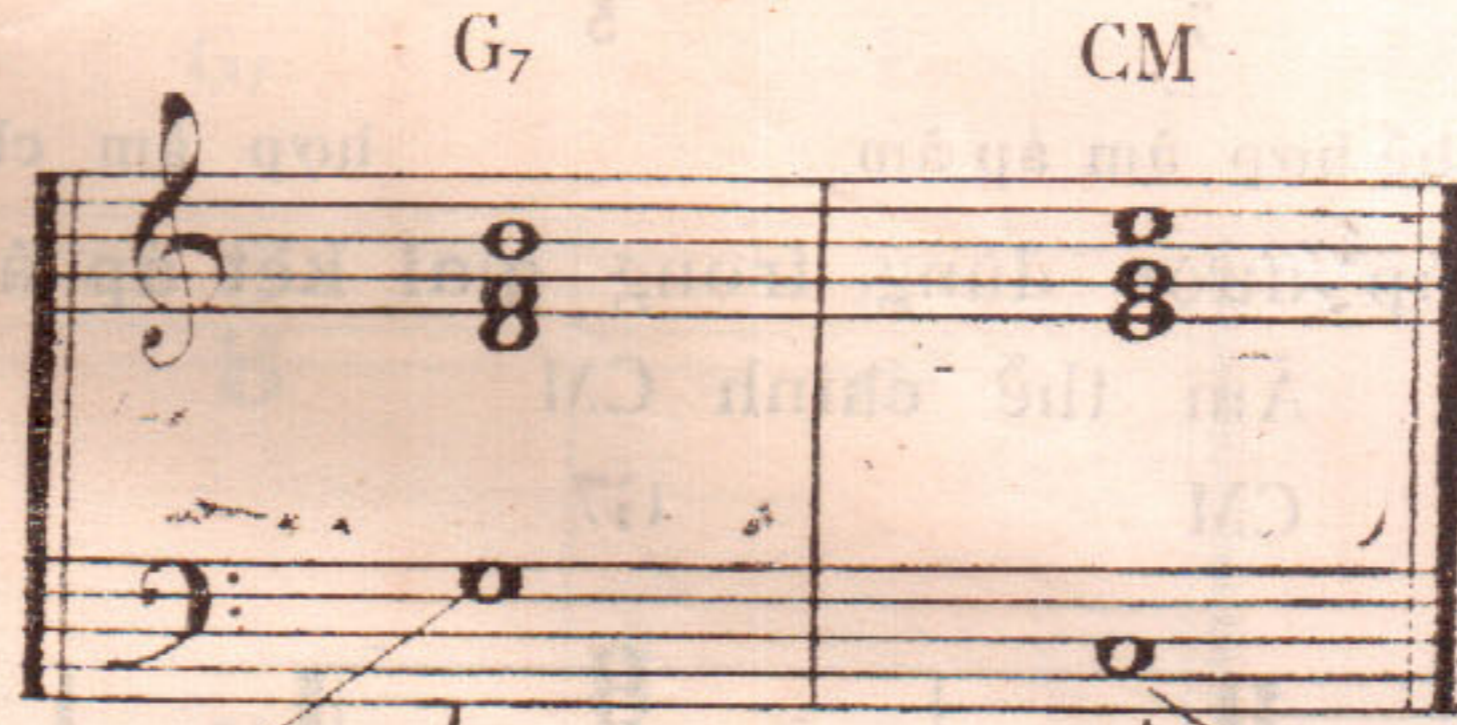
+4

CÁCH DÙNG HỢP ÂM THẤT TRÌNH ÁP ÂM

Trong tất cả các thứ hợp âm nghịch, thì hợp âm thất trình áp âm là hợp âm được dùng nhiều nhất, rất nhiều trong tất cả các bài nhạc, cho cả 2 âm thức trưởng và đoản.

CHÚ Ý QUAN TRỌNG Thường thường hợp âm thất trình áp âm có nhiệm vụ thay thế cho hợp âm áp âm hoàn toàn trong các thứ giai kết, nhất là trong giai kết trọn.

Chúng ta có 1 ví dụ về giai kết trọn, trong đó hợp âm thất trình áp âm thay thế cho hợp âm áp âm



hợp âm thất trình áp âm thay thế cho hợp âm áp âm

giai kết trọn

hợp âm chủ âm.

Trong ví dụ trên, chúng ta có 2 thứ hợp âm : hợp âm đầu là hợp âm Sol thất trình áp âm. Hợp âm sau là Do trưởng, hợp âm chủ âm. Chúng ta nhận thấy có giai kết trọn trong đó hợp âm thất trình áp âm thay thế cho hợp âm áp âm.

Chúng ta lại có 1 ví dụ khác về giai kết trọn trong đó hợp âm thất trình áp âm cũng thay thế cho hợp âm áp âm.



Hợp âm thất trình áp âm thay thế cho hợp âm áp âm

giai kết trọn

hợp âm chủ âm

Xem những ví dụ trên, chúng ta nhận thấy rằng sau hợp âm thất trình áp âm luôn luôn có hợp âm chủ âm. Cách thực hiện như thế gọi là giải quyết tự nhiên (résolution naturelle). Còn có những cách thực hiện khác hơn gọi là giải quyết đặc biệt (résolution exceptionnelle).

QUY TẮC Chúng ta có những cách giải quyết đặc biệt sau đây :

1o) Hợp âm thất trình áp âm được dùng trong các giai kết bằng cách thay thế cho hợp âm áp âm (Cần ôn lại các giai kết)

a.— Hợp âm thất trình áp âm được dùng trong **giai kết trọn** (đã học). Ví dụ :

Âm thể chính DM. A7 DM



giai kết trọn

hợp âm thất trình áp âm thay thế hợp âm áp âm hợp âm chủ âm

b.— Hợp âm thất trình áp âm được dùng trong **giai kết áp âm**. Ví dụ :

Âm thể chính CM
CM G7

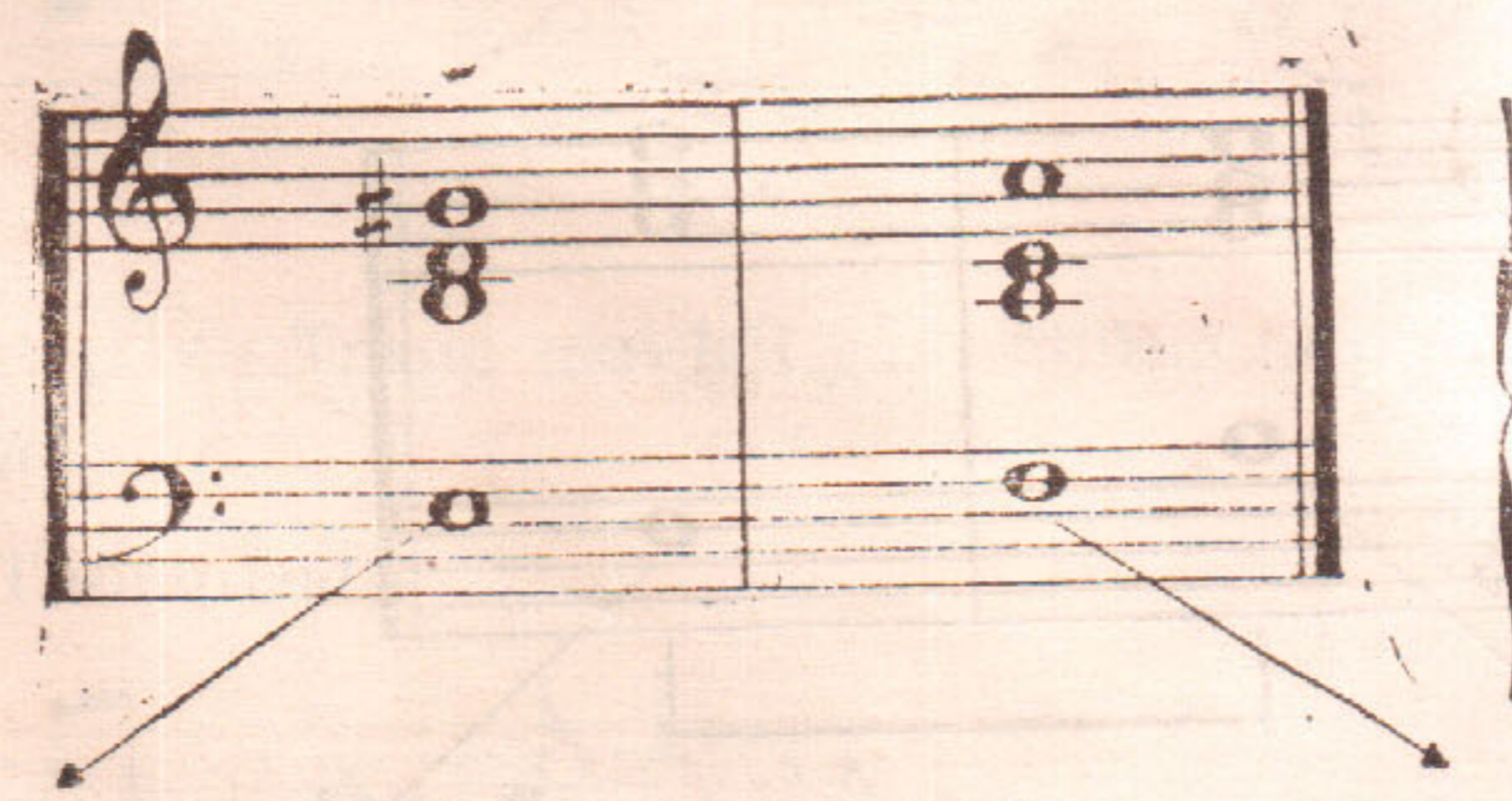


giai kết áp âm

hợp âm chủ âm 6 7 hợp âm thất trình áp âm thay thế cho hợp âm áp âm.

c.— Hợp âm thất trình áp âm được dùng trong **giai kết gãy**. Ví dụ :

Âm thể chính Am E7 FM



giai kết gãy

Hợp âm thất trình áp âm thay thế + 7 5 Hợp âm thượng áp âm
cho hợp âm áp âm

(Chúng ta nhận thấy rằng hợp âm thất trình áp âm được dùng cho tất cả 2 âm thức trường cũng như đoản).

d.— Hợp âm thất trình áp âm được dùng trong **giai kết thiếu**. Ví dụ :

Âm thể chính CM

Hợp âm thất trình áp âm thay thế cho hợp âm áp âm

Hợp âm chủ âm về thể đảo thứ nhì

e.— Hợp âm thất trình áp âm được dùng trong **giai kết lánh**. Ví dụ :

Âm thể chính CM

Hợp âm thất trình áp âm thay thế hợp âm áp âm

hợp âm biến thể (modulant) để chuyển qua 1 hợp âm khác, để chuyển qua Am

g.— Hợp âm thất trình áp âm tất nhiên là không được dùng trong giai kết nghiêm, vì trong giai kết nghiêm không có hợp âm áp âm.

QUY TẮC

Chúng ta có thể dùng 1 tràng hợp âm thất trình áp âm với điều kiện hợp âm trước là hợp âm áp âm của hợp âm sau, và sau cùng phải là hợp âm chủ âm. Ví dụ :

Trong ví dụ trên, chúng ta có 4 hợp âm thất trình áp âm: Do thất trình áp âm (C7), Fa thất trình áp âm (F7), Sib thất trình áp âm (Bb7), Mib thất trình áp âm (Eb7). Đó là 1 tràng hợp âm thất trình áp âm và hợp âm trước chính là hợp âm áp âm của hợp âm sau:

C7 là hợp âm áp âm của F7 (Do là áp âm của Fa).
 F7 ————— Bb7 (Fa ————— Sib).
 Bb7 ————— Eb7 (Sib ————— Mib).

ÁP DỤNG VÀO SÁNG TÁC.

1o) Như chúng ta đã trình bày, hợp âm thất trình áp âm là hợp âm nghịch được trọng dụng nhất trong bất cứ nhạc phẩm nào, và cho bất cứ âm, thức nào (cả trường lẫn đoản). Vì vậy, chúng ta cũng phải áp dụng vào sáng tác của chúng ta.

Như đã học, chúng ta có thể thay thế hợp âm thất trình áp âm cho hợp âm áp âm trong tất cả các thứ giai kết. Ví dụ: (Tìm xem lại những ví dụ này trong tất cả những bài học về giai kết).

a. — **Giai kết trọn.** Trong giai kết trọn tất cả các hợp âm áp âm đều được thay thế bằng hợp âm thất trình áp âm.

DU ÂM (Nguyễn-văn-Tý)

A7

DM

b. — **Giai kết thiếu:** Trong giai kết thiếu, tất cả các hợp âm áp âm đều được thay thế bằng hợp âm thất trình áp âm.

VUI CẢNH MÙA HÈ (Hoàng-Trọng)

G7

CM

c. — **Giai kết gãy:** Trong giai kết gãy, những hợp âm áp âm đều được thay thế bằng hợp âm thất trình áp âm.

ĐÔI MẮT HUYỀN (Thông-Đạt).

A7

Bm



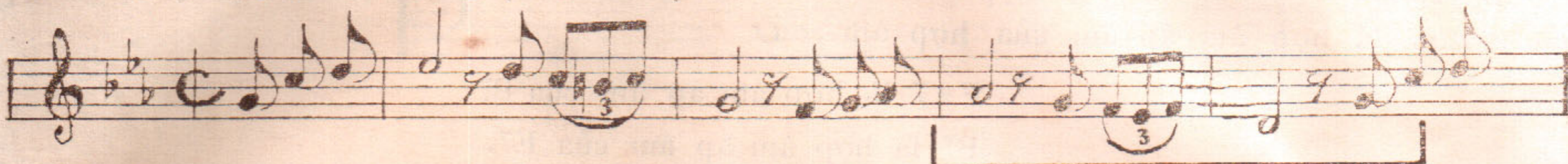
giai kết gãy

d - Giai kết áp âm: Trong giai kết áp âm, những hợp âm áp âm đều được thay thế bằng hợp âm thất trình áp âm

CHỜ ANH EM N É (Xuân-Tiên)

Fm

G7



giai kết áp âm

G7

Cm



hoặc

giai kết trọn

KHÚC NHẠC ĐỒNG QUÊ (Thúc-Đặng)



chi câu 1

chi câu 2

Em

B7

B7

Em

chi câu 3
giai kết áp âmchi câu 4
giai kết trọn

2o) Trong lúc sáng tác, chúng ta cũng có thể dùng hợp âm thất trình áp âm để viết một tràng hợp âm ấy miễn là hợp âm trước là hợp âm áp âm của hợp âm sau, và hợp âm sau cuối phải là hợp âm chủ âm.

Chúng ta áp dụng lối xử dụng hợp âm thất trình áp âm ấy vào câu nhạc sau đây:

Âm thể chính DM

XUÂN CHẾT TRONG LÒNG TÔI (Hoàng Thi-Thơ)



F#7 B7 E7 A7 DM

Đoạn nhạc trên là câu cuối của bài «Xuân chết trong lòng tôi». Chúng ta để ý đến 8 trường canh cuối. Trường canh 9 nằm trong hợp âm Fa# thất trình áp âm. Trường canh 10 nằm trong hợp âm Si thất trình áp âm. Trường canh 13 nằm trong hợp âm Mi thất trình áp âm. Trường canh 14 nằm trong hợp âm La thất trình áp âm. Và 2 trường canh cuối nằm trong hợp âm Ré trường là âm thể chính. Chúng ta thấy rằng hợp âm trước là hợp âm áp âm của hợp âm sau.

F#7 là hợp âm áp âm của B7

B7 là hợp âm áp âm của E7.

E7 là hợp âm áp âm của A7.

A7 là hợp âm áp âm của DM.

DM là hợp âm kết thúc câu nhạc.

Chú ý: Hợp âm thất trình áp âm rất quan trọng cho công việc sáng tác. Chúng ta phải lĩnh hội thấu đáo thứ hợp âm nghịch này và phải thuộc những âm hiệu cấu tạo của từng hợp âm. Ví dụ:

C7 = Do — mi — Sol + Sib.

Nhớ rằng thất trình trong hợp âm này luôn luôn là thất trình đảo.

* * *

CÂU HỎI

- 1) Hợp âm nghịch là gì? Vì sao gọi là hợp âm nghịch? Viết 1 ví dụ.
- 2) Có mấy thứ hợp âm nghịch? Những hợp âm nằm trong hợp âm nghịch tự nhiên?
- 3) Hợp âm thất trình áp âm là gì? Vì sao nó có tên ấy? Viết 2 ví dụ.
- 4) Trong hợp âm thất trình áp âm có mấy thứ âm trình? Viết ví dụ.
- 5) Hợp âm lục và ngũ trình bớt là gì? Viết 2 ví dụ. Nêu rõ những thứ âm trình.

Đặt số.

- 6) Hợp âm lục trình cảm âm là gì? Viết 2 ví dụ. Nêu rõ những thứ âm trình. Đặt số.
- 7) Hợp âm tam âm là gì? Viết 2 ví dụ. Nêu rõ những thứ âm trình. Đặt số.
- 8) Cho biết tên những hợp âm dưới đây.

- 6) Đặt số cho những hợp âm trên và cho biết hợp âm chủ âm của những hợp âm trên.
- 10) Biến những hợp âm thất trình áp âm trên thành hợp âm chủ âm và viết hợp âm thất trình áp âm của những hợp âm chủ âm ấy. Đặt số.

BÀI XXXI

6 on 20
heir

Hợp âm cửu trình áp âm

Hợp âm thất trình cảm âm

Hợp âm thất trình bớt

Hợp âm lục trình cảm âm ngũ trình

Hợp âm tam âm tam trình

Hợp âm nhị trình.

it
dan
Jan
may

(~~ACCORD DE NEUVIÈME DE DOMINANTE — ACCORD DE SEPTIÈME DE SENSIBLE — ACCORD DE SEPTIÈME DIMINUÉE — ACCORD DE SIXTE SENSIBLE AVEC QUINTE — ACCORD DE TRITON AVEC TIERCE~~—~~ACCORD DE SECONDE~~).



- Accord de neuvième majeure : Hợp âm cửu trình trưởng
- Accord de neuvième mineure : Hợp âm cửu trình đoản
- Accord de septième de sensible : Hợp âm thất trình cảm âm
- Accord de septième diminuée : Hợp âm thất trình bớt
- Accord de sixte sensible avec quinte : Hợp âm lục trình cảm âm ngũ trình.
- Accord de triton avec tierce majeure : Hợp âm tam âm tam trình trưởng.
- Accord de seconde : Hợp âm nhị trình.
- Accord de sixte sensible avec quinte diminuée : Hợp âm lục trình cảm âm ngũ trình bớt.
- Accord de triton avec tierce mineure : Hợp âm tam âm tam trình đoản.
- Accord de seconde augmentée : Hợp âm nhị trình thêm.

1o) HỢP ÂM CỬU TRÌNH ÁP ÂM
(ACCORD DE NEUVIÈME DE DOMINANTE)

Hợp âm cửu trình trưởng áp âm (accord de neuvième majeure de dominante) và hợp âm cửu trình đoản áp âm (accord de neuvième mineure de dominante) chỉ là hợp âm thất trình áp âm cộng thêm một cửu trình trưởng hoặc là cửu trình đoản.

Hợp âm cửu trình áp âm = hợp âm thất trình áp âm + cửu trình.

Nếu cửu trình là trưởng thì chúng ta có hợp âm cửu trình trưởng

hợp âm cửu trình trưởng áp âm : hợp âm áp âm + cửu trình trưởng

Nếu cửu trình là đoản thì chúng ta có hợp âm cửu trình đoản

hợp âm cửu trình đoản áp âm : hợp âm áp âm + cửu trình đoản

Nói tóm lại, hợp âm cửu trình áp âm trưởng hoặc đoản là một hợp âm gồm có 1 tam trình trưởng, 1 ngũ trình đúng, 1 thất trình đoản cộng với 1 âm hiệu thứ năm hợp với âm hiệu cơ bản thành 1 một cửu trình trưởng hoặc đoản tùy theo âm thức của hợp âm.

Như thế hợp âm cửu trình áp âm là 1 hợp âm có 5 âm thanh. Ví dụ :

Hợp âm cửu trình áp âm trưởng. Hợp âm cửu trình áp âm đoản



Hợp âm cửu trình áp âm trưởng dùng cho âm thức trưởng.

Hợp âm cửu trình áp âm đoản dùng cho âm thức đoản.

Hợp âm cửu trình áp âm trưởng và đoản dùng cho âm cấp thứ 5 của cả 2 âm thức trưởng và đoản.

Chúng ta nhớ rằng cửu trình bao giờ cũng phải đặt trên áp âm (ngũ trình) và trên cảm âm (thất trình đoản).

Chúng ta có thói quen gọi và viết tắt :

1o) Hợp âm cửu trình áp âm là hợp âm chín ví dụ như Do chín (C9)

2o) Hợp âm cửu trình trưởng áp âm là hợp âm cửu trình trưởng chín ví dụ như Sol cửu trình trưởng chín (GM9).

3o) Hợp âm cửu trình đoản áp âm là hợp âm cửu trình đoản chín ví dụ như Mi cửu trình đoản chín (Em9)

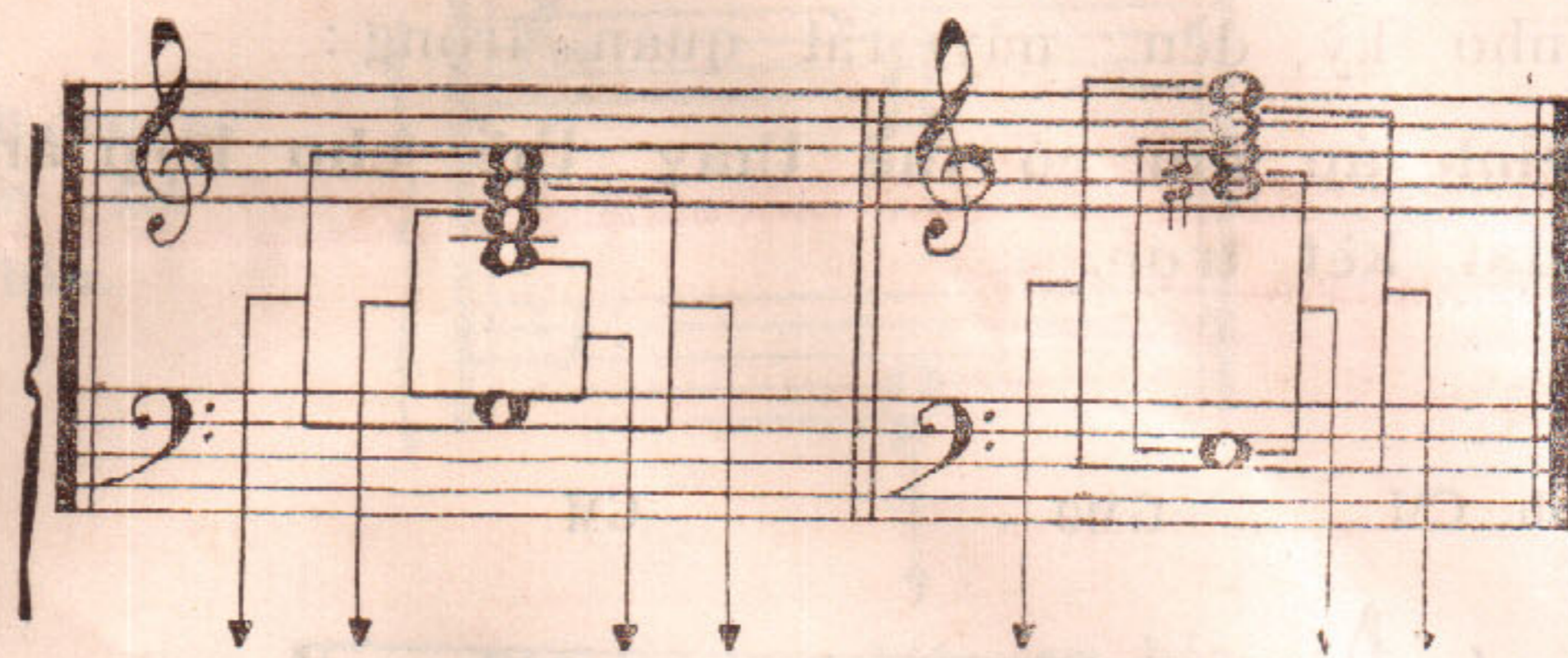
CÁCH ĐẶT SỐ CHO HỢP ÂM CỬU TRÌNH ÁP ÂM.

Để đặt số cho hợp âm cửu trình áp âm, chúng ta hãy viết con số 9 nằm trên con số 7. Dưới con số này, chúng ta viết dấu thập (9) Ví dụ :

7
+

Chúng ta có ví dụ sau đây với cách đặt số.

Âm thể chính CM



Âm thể chính Am

9eM 5tej 9 3ceM 7em 9e.m 5te 9 3ceM 7em
7 7
+ +

Chúng ta nhớ rằng hợp âm cũu trình áp âm là hợp âm có 5 âm thanh, Cho nên, khi chúng ta dùng hợp âm ấy để viết 4 bè, thì chúng ta chỉ có thể dùng âm giảm của ngũ trình mà thôi. Chúng ta không thể dùng âm giảm của âm trình khác.

Ví dụ :

Chúng ta dùng âm giảm của ngũ trình trong hợp âm cũu trình áp âm :

Âm giảm của ngũ trình

Hợp âm cũu trình áp âm



9 9
7 7
+ +

CÁCH GIẢI QUYẾT CỦA HỢP ÂM CŨU TRÌNH.

Chúng ta chỉ dùng cách giải quyết tự nhiên (résolution naturelle) của hợp âm cũu trình mà thôi. Cách giải quyết tự nhiên ấy là cách giải quyết trên hợp âm hoàn toàn của chủ âm. Nghĩa là sau hợp âm cũu-trình áp âm, chúng ta phải dùng hợp âm chủ âm về thể trực.

Ví dụ :

GM9 CM Em9 Am



9 5 9 5
7 7
+ +

HỢP ÂM CỬU TRÌNH ÁP ÂM TRONG GIAI KẾT

Chúng ta nên nhớ kỹ điều này rất quan trọng:

Hợp âm cửu trình áp âm có thể thay thế cho hợp âm áp âm trong các thứ giai kết, nhất là giai kết trọn.

Vi dụ :

Âm thể chính CM GM9 CM

Giai kết trọn của âm thức trường



9
7
+

Âm thể chính Am Em9 Am



9
7
+

Giai kết trọn của âm thức đoản

Tuy thế, cách dùng hợp âm cửu trình áp âm để thế cho hợp âm áp âm trong giai kết được dùng cho âm thức đoản nhiều hơn cho âm thức trường.

Những thể đảo của hợp âm cửu trình áp âm không bao giờ dùng đến, cho nên không có danh hiệu mà cũng không có cách đặt số riêng-biệt.

HỢP ÂM THẤT TRÌNH CẢM ÂM.

(ACCORD DE SEPTIÈME DE SENSIBLE).

Một hợp âm cửu trình trường áp âm bớt âm hiệu cơ bản cho 1 hợp âm mới mà chúng ta gọi là hợp âm thất trình cảm âm (accord de septième de sensible).

Sở dĩ nó có cái tên ấy là vì hợp âm thất trình cảm âm nằm trên cảm âm của âm thể.

Hợp âm thất trình cảm âm = hợp âm cửu trình trường áp âm — âm hiệu cơ bản.

Vi dụ :

Hợp âm thất trình cảm âm

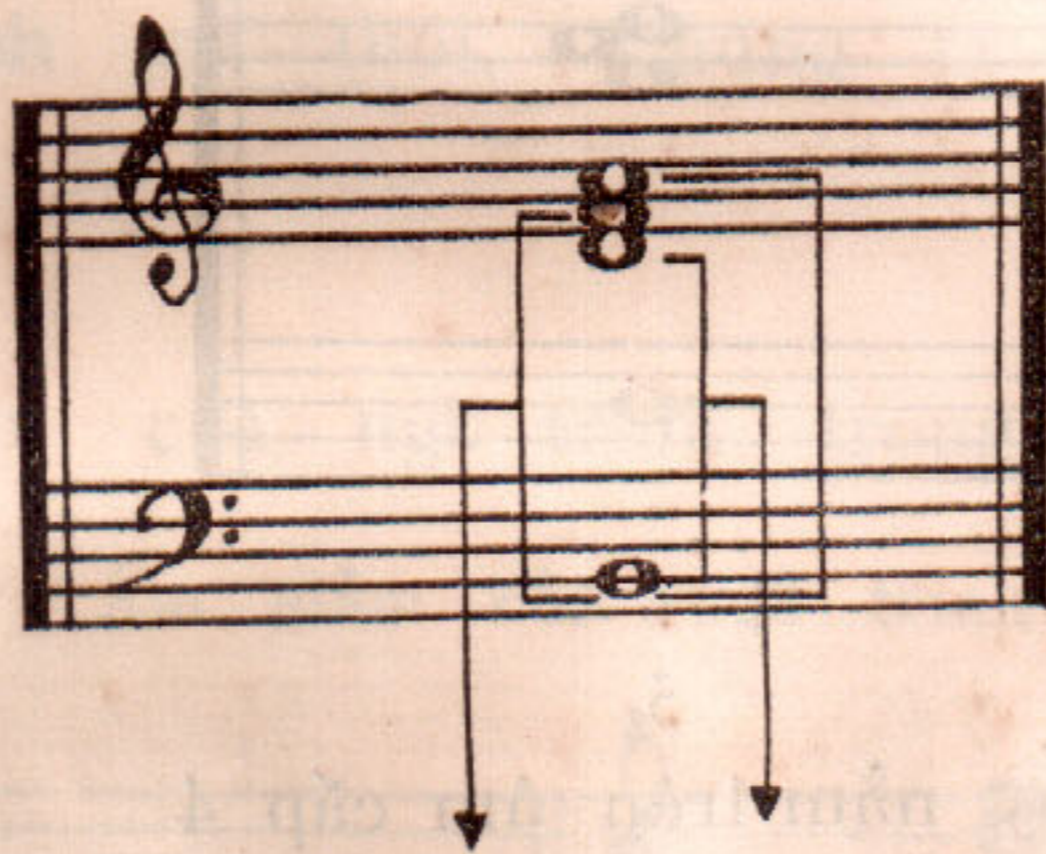
Sol cũu trình trường
áp âm bát âm
hiệu cơ bản.



Bát Sol, âm hiệu cơ bản.

Hợp âm thất trình cảm âm là 1 hợp âm gồm có 1 tam trình đoản, 1 ngũ trình bát và 1 thất trình đoản. Ví dụ :

Hợp âm thất trình cảm âm

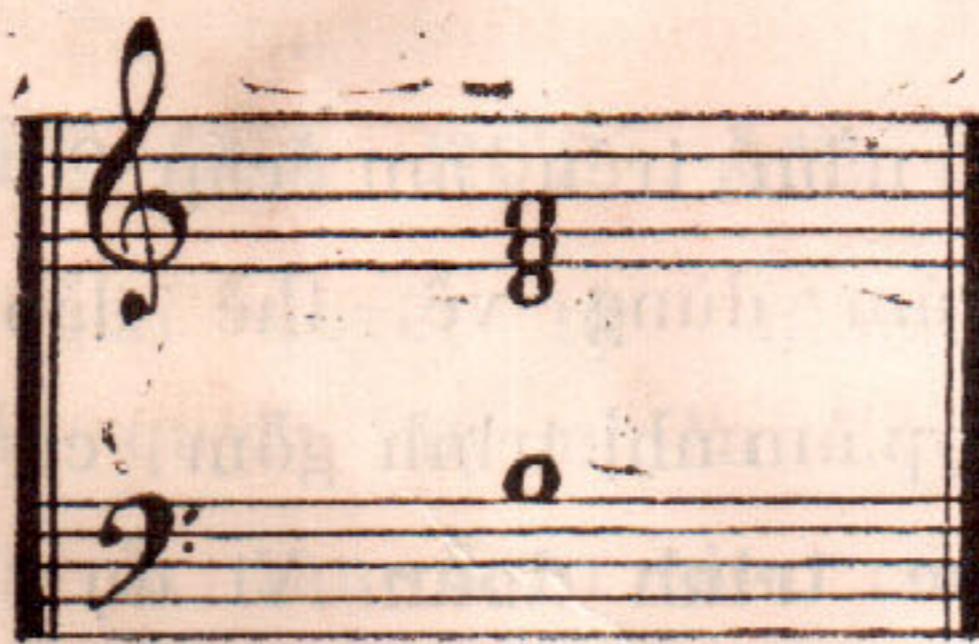


5tedim 3cem 7em

Muốn đặt số cho hợp âm thất trình cảm âm, chúng ta viết phân-số 7 trên 5 có gạch xiên (7). Ví dụ :

5

Hợp âm thất trình cảm âm.



7

5

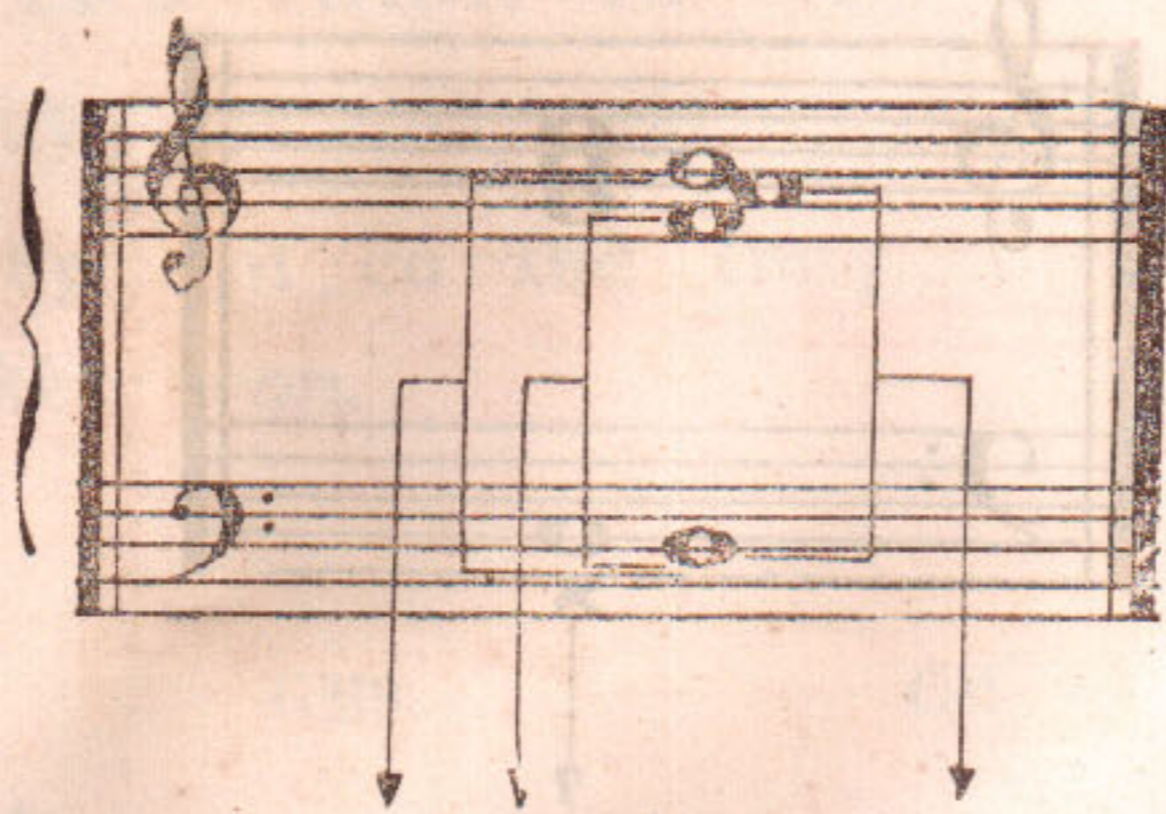
Hợp âm thất trình cảm âm nằm trên âm-cấp thứ 7.

Hợp âm thất trình cảm âm có thể dùng được về thể đảo, và có tất cả là 3 thể đảo với 3 danh hiệu riêng biệt.

a) Hợp âm thất trình cảm âm dùng về thể đảo thứ nhất được gọi là **hợp âm lục trình cảm âm ngũ trình** (accord de sixte sensible avec quinte).

Hợp âm lục trình cảm âm ngũ trình gồm có những âm trình sau đây tam trình đoản, ngũ trình đúng, và lục trình trường. Ví dụ :

Hợp âm thất trình
cảm âm về
thề đảo thứ nhất



6te.M 3cem 5tej

Muốn đặt số cho hợp âm lục trình cảm âm ngũ trình, chúng ta viết số 6 bên mặt dấu thập và trên số 5 (+ 6). Ví dụ :

5



+ 6
5

Hợp âm này nằm trên âm cấp 4

b. Hợp âm thất trình cảm âm dùng về thề đảo thứ nhì được gọi là hợp âm tam âm tam trình trưởng (accord de triton avec tierce majeure).

Hợp âm tam âm tam trình trưởng gồm có những âm trình sau đây : tam trình trưởng, tứ trình thêm (hoặc là tam-âm) và lục trình trưởng.

Muốn đặt số cho hợp âm tam âm tam trình trưởng chúng ta viết số 4 bên mặt dấu thập và trên số 3 (+ 4),

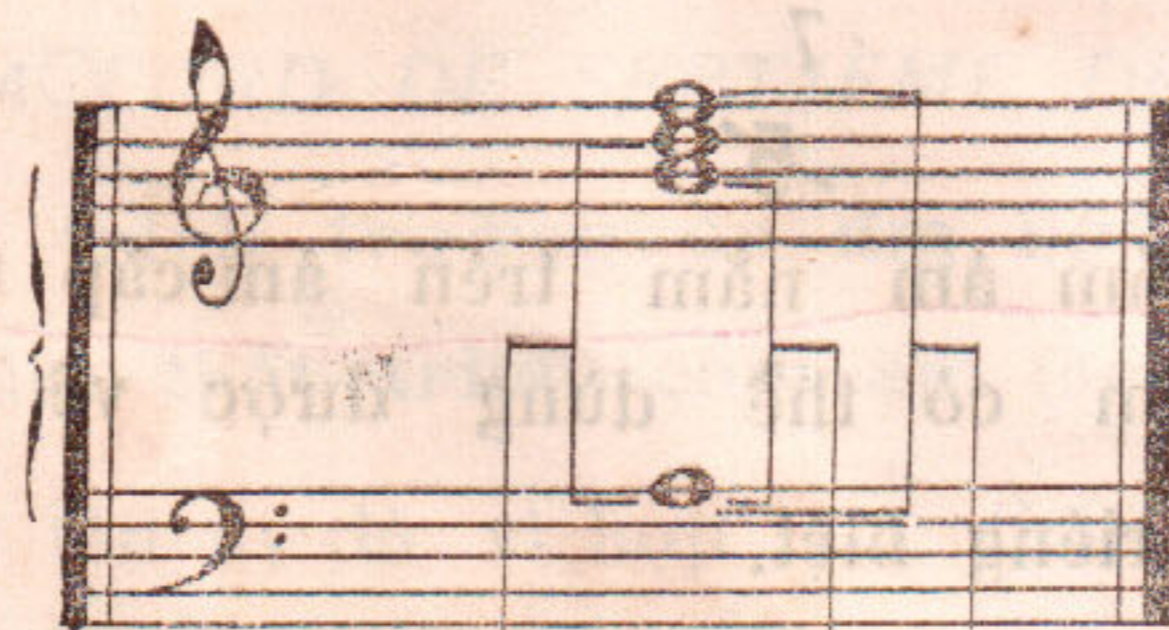
3

Hợp âm này nằm trên âm cấp 2

c) Hợp âm thất trình cảm âm dùng về thề đảo thứ 3 được gọi là hợp âm nhị trình (accord de seconde). Hợp âm nhị trình gồm có những âm trình sau đây : nhị trình trưởng, tứ trình đúng, lục trình đoản. Ví dụ :

Hợp âm nhị trình

Hợp âm thất trình cảm
âm về thề đảo
thứ ba



4'e j 2de.M 6tem

Muốn đặt số cho hợp âm nhị trình chúng ta viết con số 2, Ví dụ :



2

Hợp âm này nằm trên âm cấp thứ 6.

30) HỢP ÂM THẤT TRÌNH BỚT.

(*ACCORD DE SEPTIÈME DIMINUÉE*).

Một hợp âm cũu trình đoản áp âm bớt âm hiệu cơ bản cho 1 hợp âm mới mà chúng ta gọi là hợp âm thất trình bớt (*accord de septième diminuée*).

Sở dĩ nó có cái tên ấy là vì hợp âm thất trình bớt nằm trên cảm âm của âm thể.

Hợp âm thất trình bớt = hợp âm cũu trình đoản áp âm — âm hiệu cơ-bản

Ví dụ :

Hợp âm thất trình bớt.

Sol cũu trình đoản
áp âm bớt âm
hiệu cơ bản.



Bớt Sol, âm hiệu cơ bản.

Hợp âm thất trình bớt là một hợp âm gồm có 1 tam trình đoản, 1 ngũ trình bớt và 1 thất trình bớt.

Hợp âm thất trình bớt.



5te dim 3cem 7e dim

Muốn đặt số cho hợp âm thất trình bớt, chúng ta viết số 7 có gạch xiên (7̄). Ví-dụ :

Hợp âm thất trình bát.



7

Hợp âm thất trình bát nằm trên âm cấp thứ 7.

Hợp âm thất trình bát có thể dùng được về thể đảo và có tất cả là 3 thể đảo với 3 danh hiệu riêng-biệt :

a) Hợp âm thất trình bát dùng về thể đảo thứ nhất được gọi là **hợp âm lục trình cảm âm ngũ trình bát** (accord de sixte sensible avec quinte diminuée).

Hợp âm lục trình cảm âm ngũ trình bát gồm có những âm trình sau đây : tam trình đảo, ngũ trình bát, lục trình trưởng. Ví dụ :

Hợp âm lục trình cảm âm ngũ trình bát.

Hợp âm thất trình bát
về thể đảo thứ nhất.



5te dim 3cem 6teM

Muốn đặt số cho hợp âm lục trình cảm âm ngũ trình bát, chúng ta viết con số 6 bên mặt dấu thập và trên số 5 có gạch xiên (+6). Ví dụ :



+ 6

5

Hợp âm này nằm trên âm cấp thứ 2.

b- Hợp âm thất trình bát dùng về thể đảo thứ nhì được gọi là **hợp âm tam âm tam trình đảo** (accord de triton avec tierce mineure). Hợp âm tam âm tam trình đảo gồm có những âm trình sau đây : tam trình đảo, tứ trình thêm (hoặc tam âm) lục trình trưởng. Ví dụ :

Hợp âm thất trình bát
về thể đảo thứ nhì



Muốn đặt số cho hợp âm tam âm tam trình doⁿ, chúng ta viết số 4 bên mặt
dấu thập và trên số 3 (+ 4). Ví dụ :



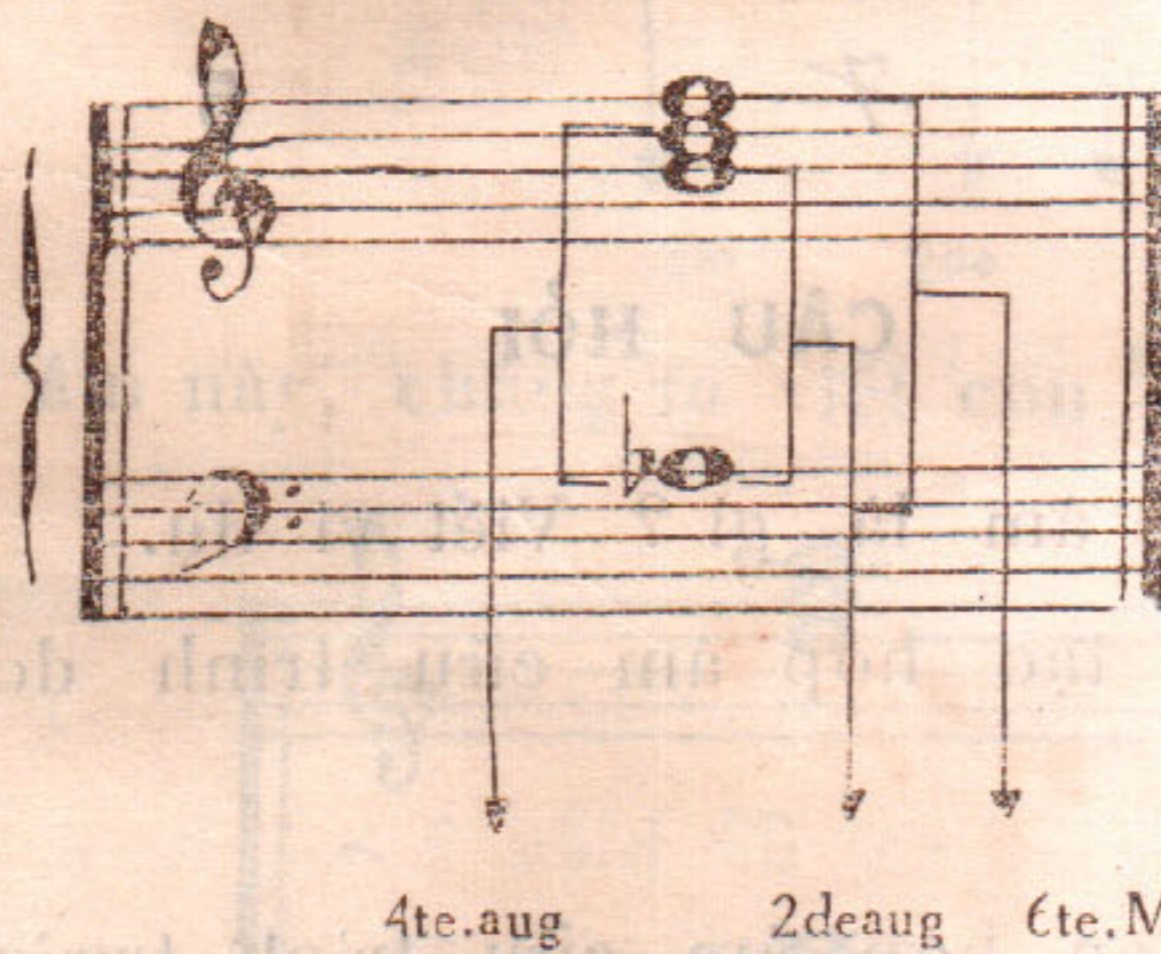
Hợp âm này nằm trên âm cấp thứ 4.

c- Hợp âm thất trình bát dùng về thể đảo thứ ba được gọi là **hợp âm
nhị trình thêm** (accord de seconde augmentée).

Hợp âm nhị trình thêm gồm có những âm trình sau đây : **nhị trình thêm,
tứ trình thêm và lục trình trường**. Ví dụ :

Hợp âm nhị trình thêm.

Hợp âm thất trình bát
về thể đảo thứ ba.



Muốn đặt số cho hợp âm nhị trình thêm, chúng ta viết số 2 bên mặt dấu thập (+ 2)
Ví dụ :



+2

Hợp âm này nằm trên âm cấp thứ 6,

CÁCH GIẢI QUYẾT CỦA HỢP ÂM THẤT TRÌNH CẢM ÂM VÀ THẤT TRÌNH BỚT

Chúng ta có thể giải quyết cả 2 hợp âm: hợp âm thất trình cảm âm và thất trình bớt trên hợp âm hoàn toàn chủ âm về thể trực, nghĩa là sau hợp âm thất trình cảm âm và thất trình bớt, chúng ta có thể dùng hợp âm chủ âm về thể trực. Ví dụ ;

Âm thể chính CM.

Hợp âm thất trình cảm âm.



5

Hợp âm thất trình bớt.



7

5

CÂU HỎI

- 1o) Hợp âm cửu trình áp âm là gì? Viết ví dụ.
- 2o) Làm thế nào để cấu tạo hợp âm cửu trình đảo áp âm? Viết 2 ví dụ với 2 âm thể chính Gm và Bm.
- 3o) Làm thế nào để cấu tạo hợp âm cửu trình trường áp âm? Viết 2 ví dụ với 2 âm thể chính FM, AM.
- 4o) Cho biết tên những hợp âm sau đây và đặt số.



5) Viết 2 ví dụ về hợp âm thất trình cảm âm, với 2 âm thể chính khác nhau : DM, GM.

6) Viết 3 thể đảo của hợp âm thất trình cảm âm với âm thể chính EM. Đặt số.

7) Viết 2 ví dụ về hợp âm thất trình bát với 2 âm thể chính khác nhau Em, Cm.

8) Viết 3 thể đảo của hợp âm thất trình bát với âm thể chính Dm.

9) Trong trường hợp nào có thể dùng hợp âm cũu trình áp âm?

10) Viết thêm hợp âm cũu trình áp âm vào những hợp âm này để làm thành giai kết trọn.



Handwritten signature and date: 19/IX/1957



Handwritten signature: Luu Van Thu

BÀI XXXII

Hợp âm thất trình đoản
Hợp âm thất trình trường
Hợp âm hóa
Hợp âm chủ âm lục trình

(*ACCORD DE SEPTIÈME MINEURE*
ACCORD DE SEPTIÈME MAJEURE
ACCORD ALTÉRÉ

ACCORD DE TONIQUE AVEC SIXTE AJOUTÉE)

**

DANH TỪ PHÁP DỊCH RA VIỆT :

Accord de septième majeure	:	hợp âm thất trình trường
Accord de septième mineure	:	hợp âm thất trình đoản
Accord altéré	:	hợp âm hóa
Accord de tonique avec sixte ajoutée	:	hợp âm chủ âm lục trình
Accord de quinte et sixte	:	hợp âm ngũ lục trình
Accord de tierce et quarte	:	hợp âm tam tứ trình
Accord de seconde	:	hợp âm nhị trình
Accord de septième mineure et quinte diminuée	:	hợp âm thất trình đoản, ngũ trình bớt
Accord de quinte augmentée	:	hợp âm ngũ trình thêm
Accord de sixte augmentée	:	hợp âm lục trình thêm

**

Chúng ta đã nghiên cứu những hợp âm nghịch tự nhiên (*accord dissonant naturel*).
Hợp âm nghịch tự nhiên gồm có những hợp âm :

a.— Hợp âm thất trình áp âm.

b.— Hợp âm cửu trình áp âm

c.— Hợp âm thất trình cảm âm và thất trình bớt.

Chúng ta hãy nghiên cứu những hợp âm nghịch nhân tạo (*accord dissonant artificiel*).

HỢP ÂM THẤT TRÌNH ĐOẢN (ACCORD DE SEPTIÈME MINEURE)

Khi chúng ta thêm một âm hiệu lạ (note étrangère) vào một hợp âm hoàn toàn, và âm hiệu lạ đó là thất trình của âm hiệu cơ bản, thì chúng ta có những **hợp âm nghịch nhân tạo** mà chúng ta có thể gọi là **hợp âm thất trình**. Nói tóm lại, tất cả **những hợp âm hoàn toàn trưởng, đoản, những hợp âm ngũ trình bất**, đều có thể thêm thất trình để trở nên những hợp âm nghịch nhân tạo, **hợp âm thất trình**.

Nếu **hợp âm hoàn toàn đoản** được thêm thất trình đoản, thì hợp âm ấy được gọi là **hợp âm thất trình đoản** (accord de septième mineure).

$$\text{hợp âm đoản} + \text{thất trình đoản} = \text{hợp âm thất trình đoản}$$

Vi dụ :

Hợp âm thất trình đoản



Hợp âm này được dùng cho tất cả các âm cấp nhất là âm cấp thứ hai của âm thức trưởng. Muốn đặt số cho hợp âm thất trình đoản, chúng ta viết con số 7. (Vi dụ trên)

Hợp âm thất trình đoản gồm có những âm trình sau đây : **tam trình đoản, ngũ trình đúng và thất trình đoản**. Vi dụ :

Hợp âm thất trình đoản.



HỢP ÂM THẤT TRÌNH TRƯỞNG (ACCORD DE SEPTIÈME MAJEURE)

Nếu **hợp âm hoàn toàn trưởng** được thêm thất trình trưởng thì hợp âm ấy được gọi là **hợp âm thất trình trưởng** (accord de septième majeure).

$$\text{hợp âm trưởng} + \text{thất trình trưởng} = \text{hợp âm thất trình trưởng}$$

Vì dụ : Hợp âm thất trình trường.

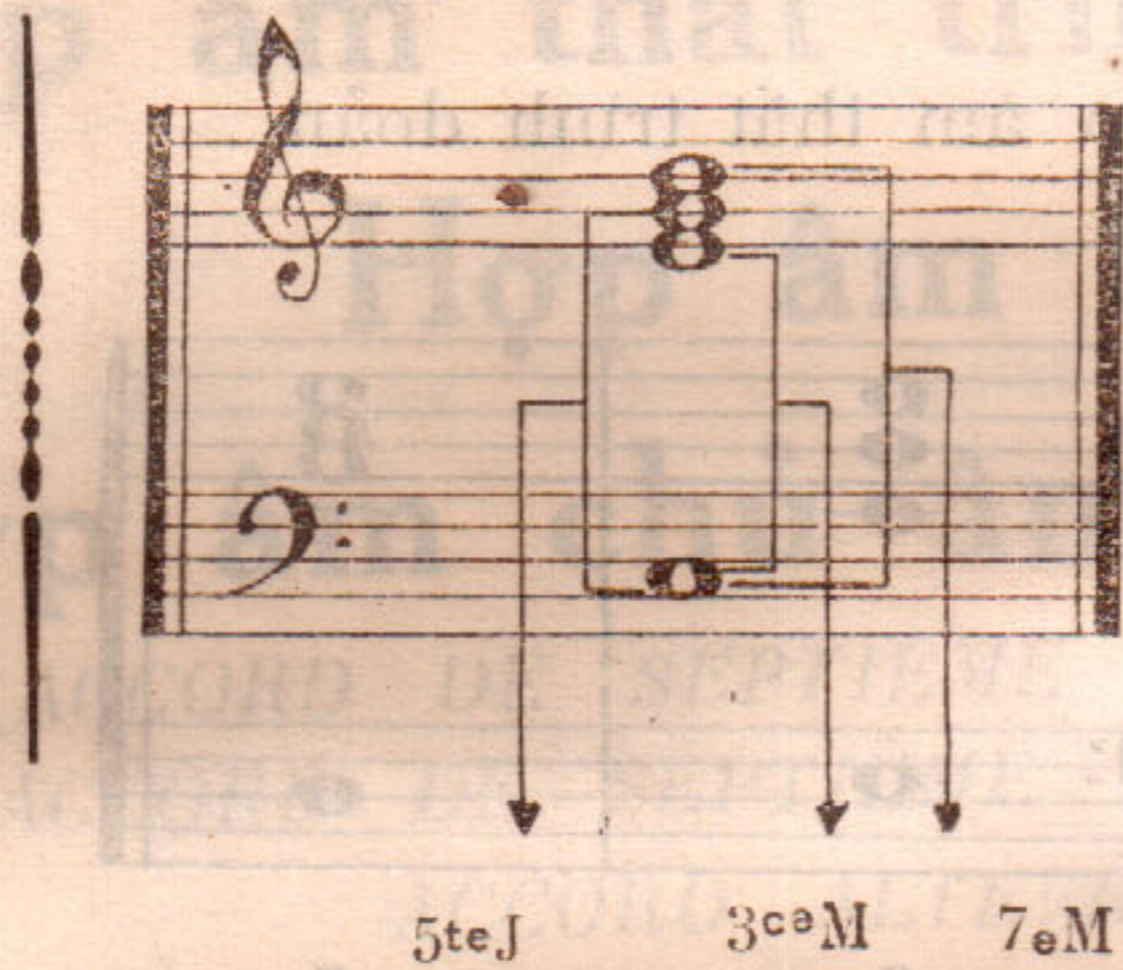


Hợp âm này được dùng cho âm cấp thứ nhất, âm cấp thứ tư của âm thức trường và âm cấp thứ 6 của âm thức đoản.

Muốn đặt số cho hợp âm thất trình trường, chúng ta viết con số 7. (Ví dụ trên),

Hợp âm thất trình trường gồm có những âm trình sau đây : tam trình trường, ngũ trình đúng và thất trình trường. Ví dụ :

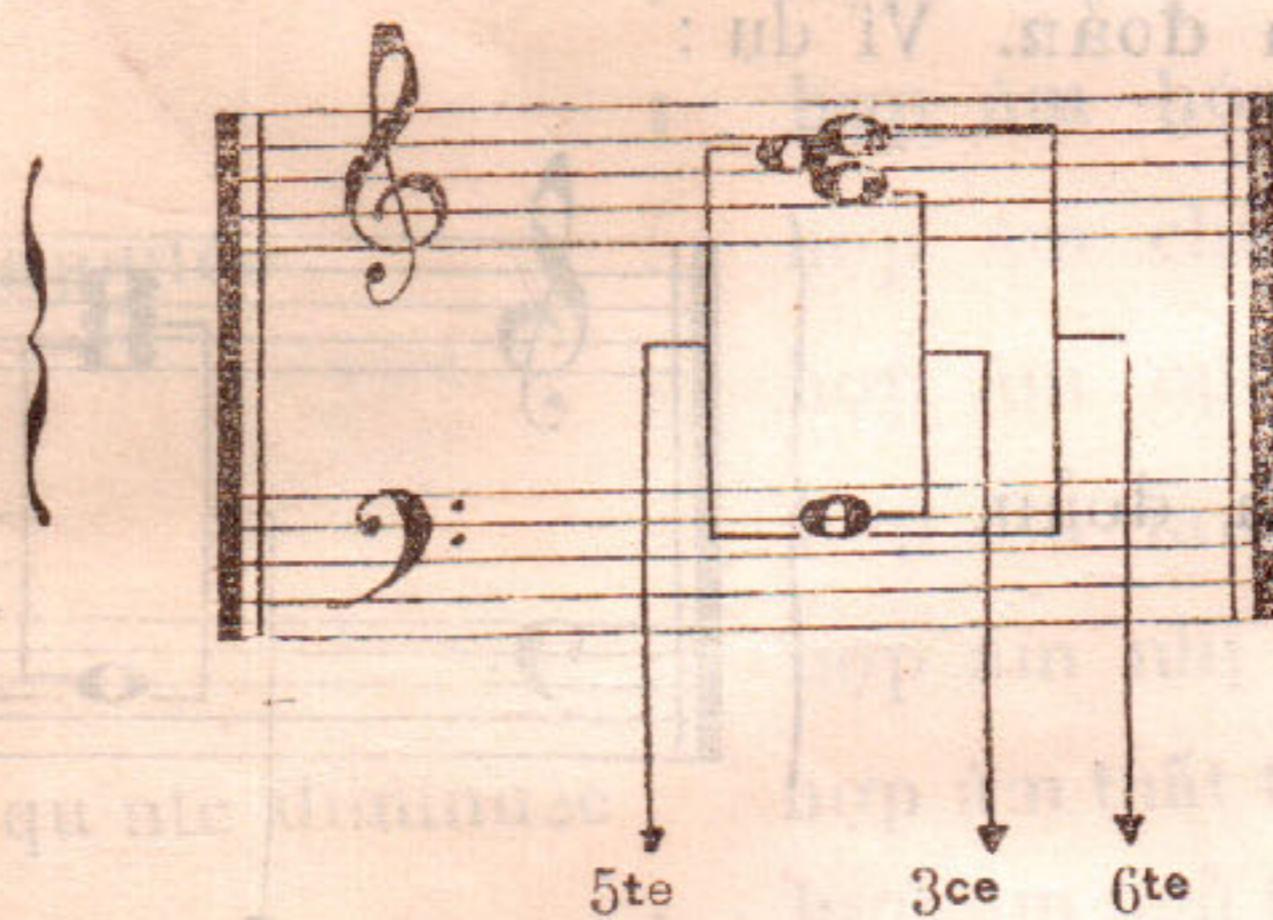
Hợp âm thất trình trường



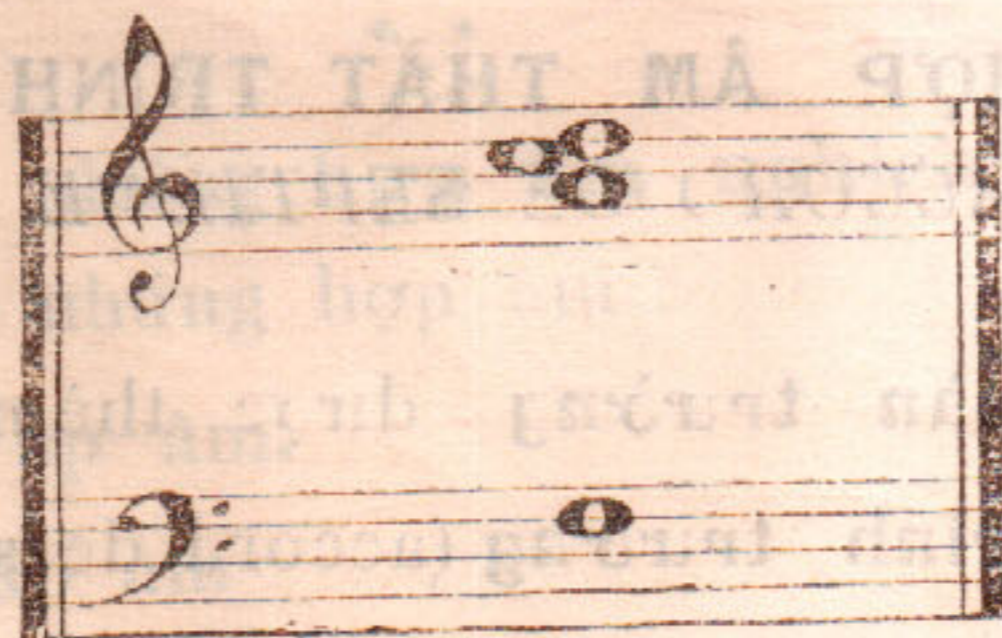
1o) Hợp âm ngũ lục trình (accord de quinte et sixte). Hợp âm thất trình nếu dùng về thể đảo thứ nhất được mệnh danh là hợp âm ngũ lục trình (accord de quinte et sixte).

Hợp âm ngũ lục trình gồm có những âm trình sau đây : tam trình, ngũ trình và lục trình. Ví dụ : Hợp âm ngũ lục trình.

hợp âm thất trình về thể đảo thứ nhất



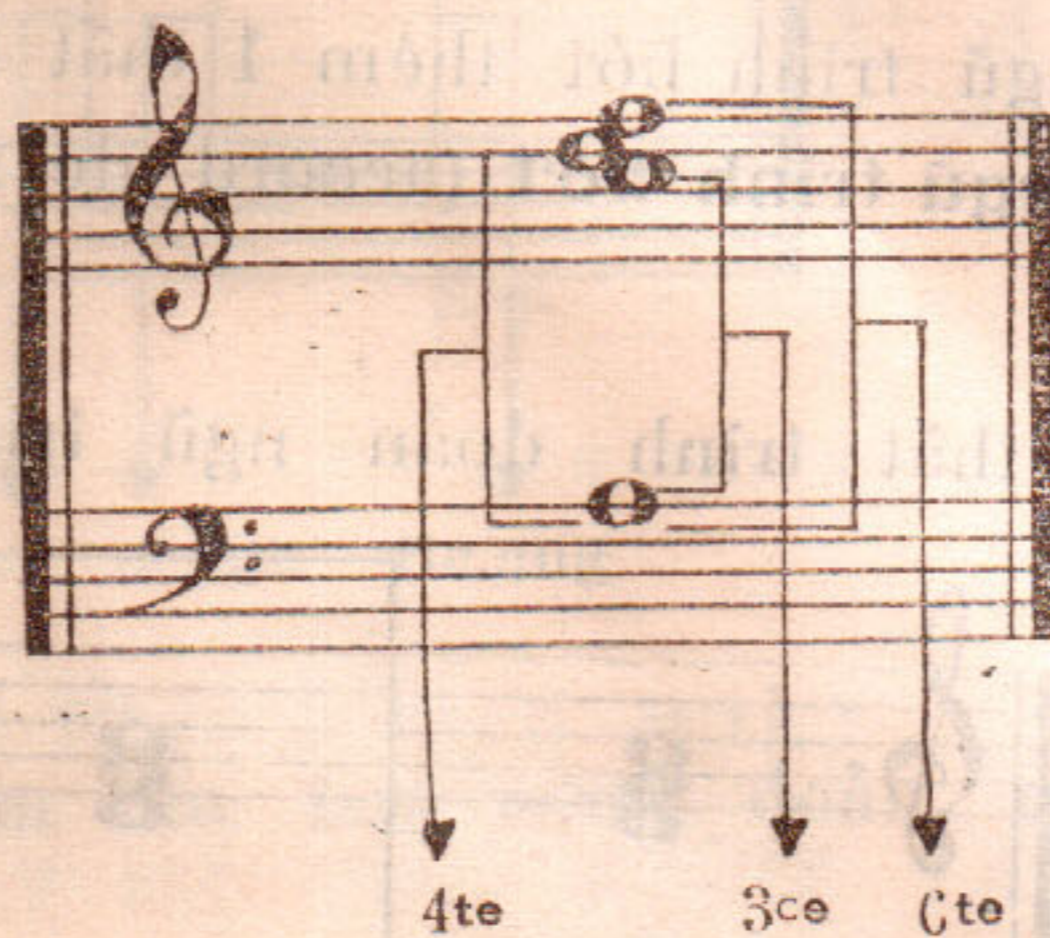
Muốn đặt số cho hợp âm này, chúng ta viết phân số 6 trên 5 (6/5). Ví dụ :



2^o) **Hợp âm tam tứ trình** (accord de tierce et quarte). Hợp âm thất trình nếu dùng về thể đảo thứ nhì được mệnh danh là **hợp âm tam tứ trình** (accord de tierce et quarte).

Hợp âm tam tứ trình gồm có những âm trình sau đây: **Tam trình, tứ trình và lục trình**. Ví dụ: Hợp âm tam tứ trình.

hợp âm thất trình về thể đảo thứ nhì



Muốn đặt số cho hợp âm này, chúng ta viết phân số 4 trên 3. Ví dụ:



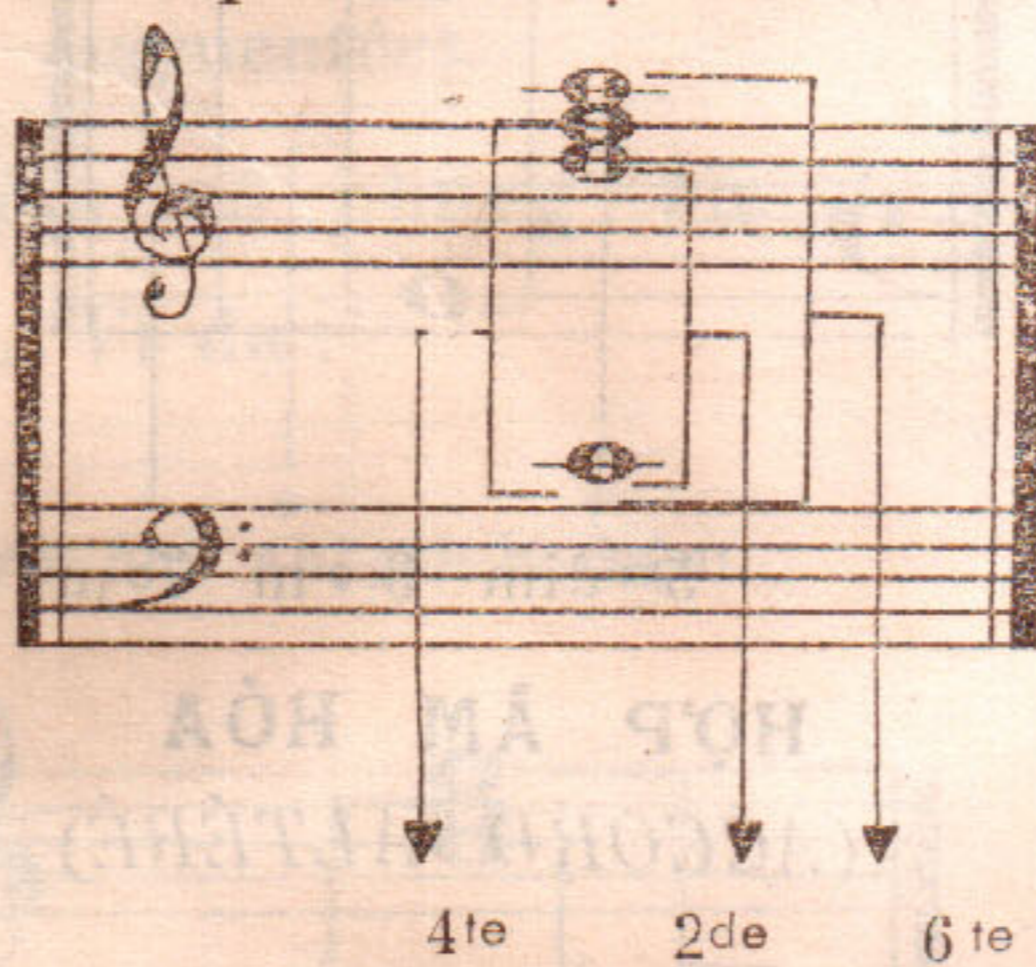
3^o) **Hợp âm nhị trình** (accord de seconde)

Hợp âm thất trình nếu dùng về thể đảo thứ ba được mệnh danh là **hợp âm nhị trình** (accord de seconde).

Hợp âm nhị trình gồm có những âm trình sau đây: **nhị trình, tứ trình và lục trình**. Ví dụ:

Hợp âm nhị trình

hợp âm thất trình về thể đảo thứ ba



Muốn đặt số cho hợp âm này, chúng ta viết con số 2. Ví dụ:



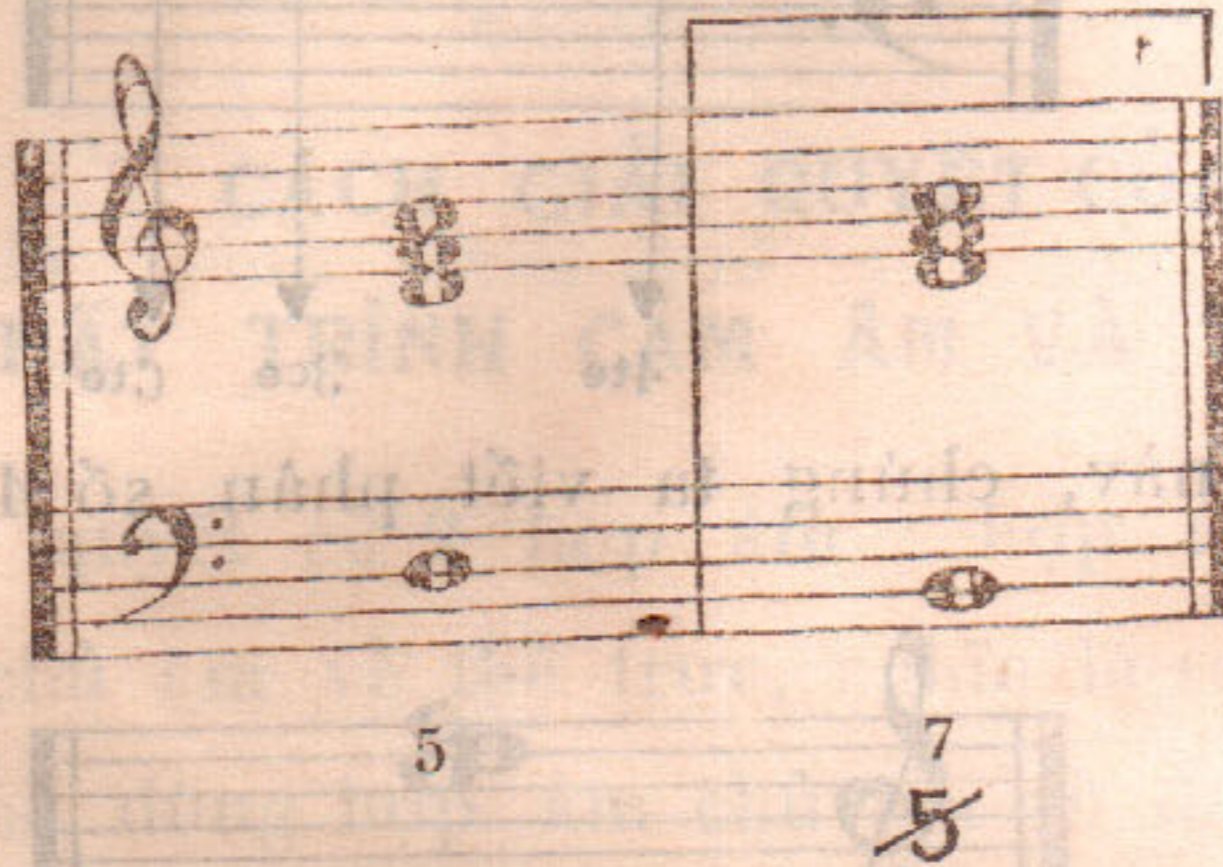
HỢP ÂM THẤT TRÌNH ĐOẢN NGŨ TRÌNH BỐT.

(ACCORD DE SEPTIÈME MINEURE ET QUINTE DIMINUÉE)

Một hợp âm ngũ trình bát cũng có thể thêm 1 thất trình để biến thành 1 hợp âm nghịch nhân tạo.

Khi nào một hợp âm ngũ trình bát thêm 1 thất trình đoản thì hợp âm ấy được gọi là **hợp âm thất trình đoản ngũ trình bát** (accord de septième mineure et quinte diminuée).
Ví dụ :

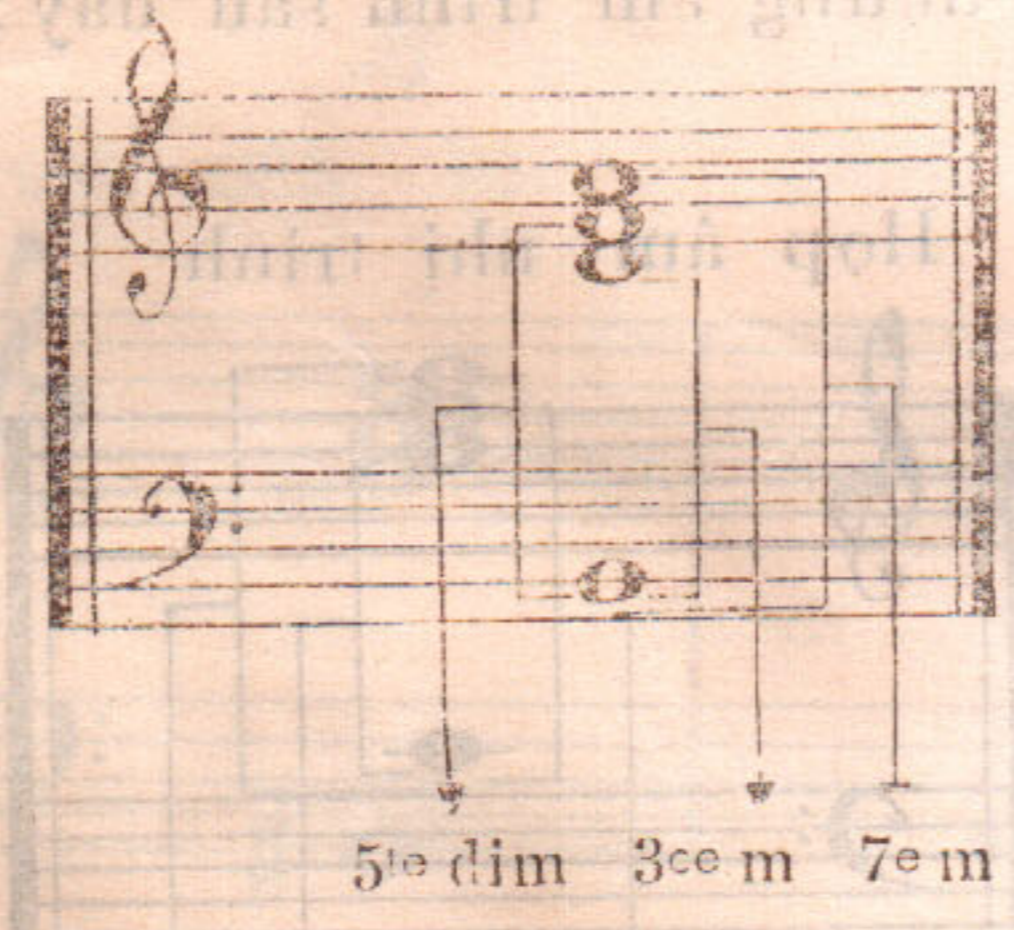
Hợp âm thất trình đoản ngũ trình bát.



Hợp âm ngũ trình bát + thất trình đoản = hợp âm thất trình đoản ngũ trình bát.

Muốn đặt số cho hợp âm thất trình đoản ngũ trình bát, chúng ta viết con số 7 trên 5 có gạch xiên. Chúng ta nhận xét rằng cách đặt số này giống cách đặt số cho hợp âm thất trình cảm âm (accord de septième de sensible) vì nó cũng có chừng ấy âm trình như hợp âm thất trình cảm âm. (Ví dụ trên).

Hợp âm thất trình đoản, ngũ trình bát gồm những âm trình sau đây: tam trình đoản, ngũ trình bát và thất trình đoản. Ví dụ:



HỢP ÂM HÓA (ACCORD ALTÉRÉ)

Hợp âm hóa (accord altéré) là một hợp âm mà 1 hoặc nhiều âm liệu cấu tạo ra hợp âm ấy có mang dấu biến cung đi-c, bê-môn hoặc bê-ca.

Những dấu biến cung ấy có thể là lên bằng cách dùng đi-e hoặc bê-ca (altération ascendante) hay có thể là xuống bằng cách dùng bê-môn hoặc bê-ca (altération descendante).

Hay nói một cách khác vắn-lắt và dễ hiểu hơn, hợp âm hóa là một hợp âm có tam trình trưởng và ngũ trình đúng mang một biến cung lên hoặc xuống.

Như thế thì tất cả các hợp âm có hợp âm hoàn toàn trưởng làm căn bản đều có thể biến thành hợp âm hóa, ví dụ như:

- hợp âm hoàn toàn trưởng.
- hợp âm thất trình áp âm.
- hợp âm cửu trình áp âm trưởng và đoản.
- hợp âm thất trình trưởng.

Ví dụ :

Hợp âm hóa



biến cung biến cung

Muốn đặt số cho hợp âm hóa, chúng ta viết 1 con số tượng trưng cho âm trình bị hóa sau 1 biến cung, nếu có biến cung lên (altération ascendante), và con số bị gạch xiên tượng trưng cho âm trình bị hóa, nếu có biến cung xuống (altération descendante)

Chúng ta có ví dụ sau đây với cách đặt số :

hợp âm hóa

hợp âm hóa



5

♭ 5

Sau đây là 2 hợp âm hóa thông dụng nhất :

- 1º) Hợp âm ngũ trình thêm (accord de quinte augmentée).
- 2º) Hợp âm lục trình thêm (accord de sixte augmentée).

HỢP ÂM NGŨ TRÌNH THÊM.
(ACCORD DE QUINTE AUGMENTÉE)

Hợp âm ngũ trình thêm là 1 hợp âm trưởng có ngũ trình thêm, bằng cách ngũ trình mang 1 biến cung. Ví dụ :

Hợp âm ngũ trình thêm



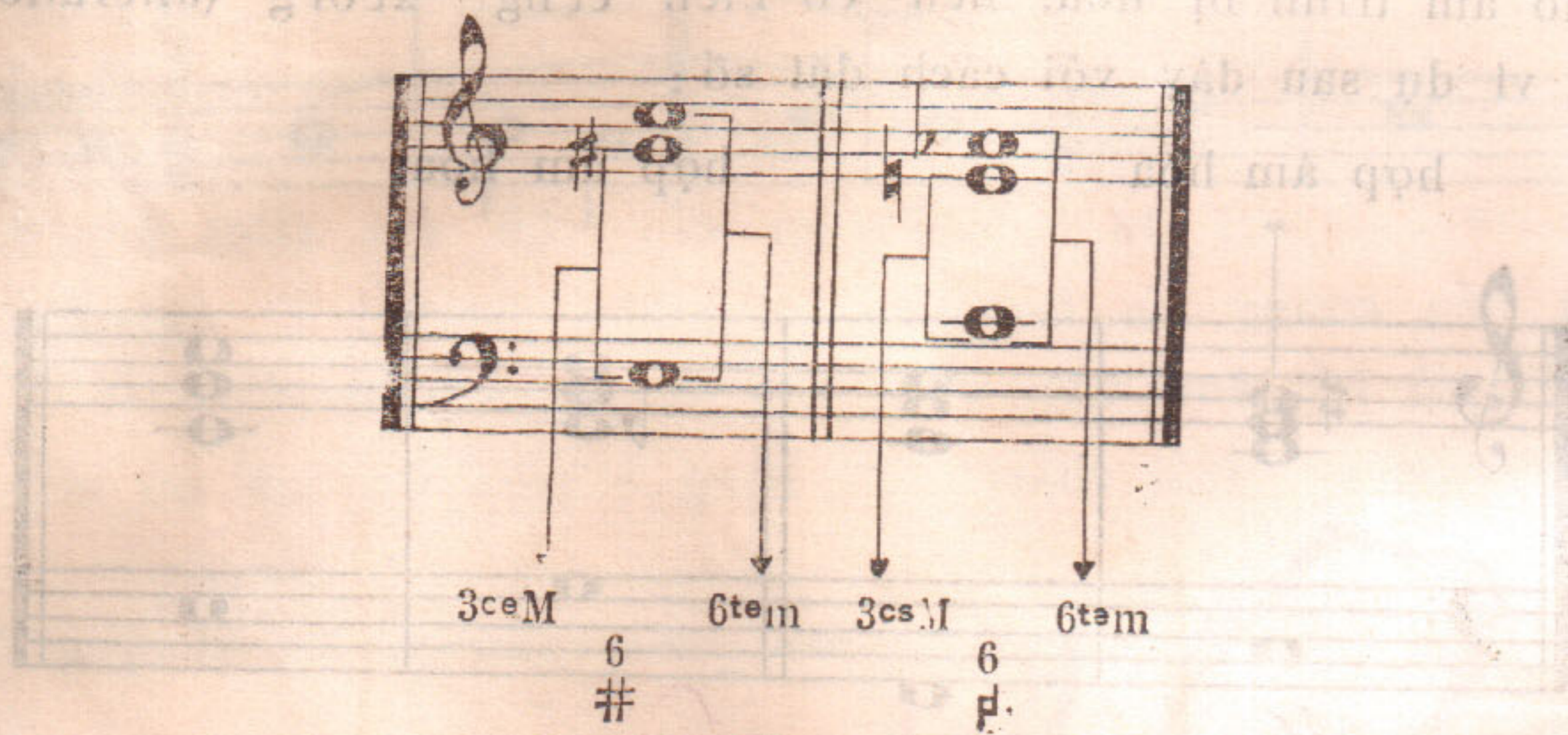
ngũ trình thêm

Hợp âm ngũ trình thêm gồm có những âm trình sau đây : tam trình trưởng, ngũ trình thêm. Ví dụ :



Hợp âm ngũ trình thêm có 2 thể đảo : thể đảo thứ nhất và thể đảo thứ nhì :

1o) **Thể đảo thứ nhất** : Hợp âm ngũ trình thêm về thể đảo thứ nhất gồm có những âm trình sau đây : tam trình trưởng và lục trình đoản. Muốn đặt số, chúng ta viết số 6 trên di - e hoặc trên bê-ca (6, 6). Ví dụ :



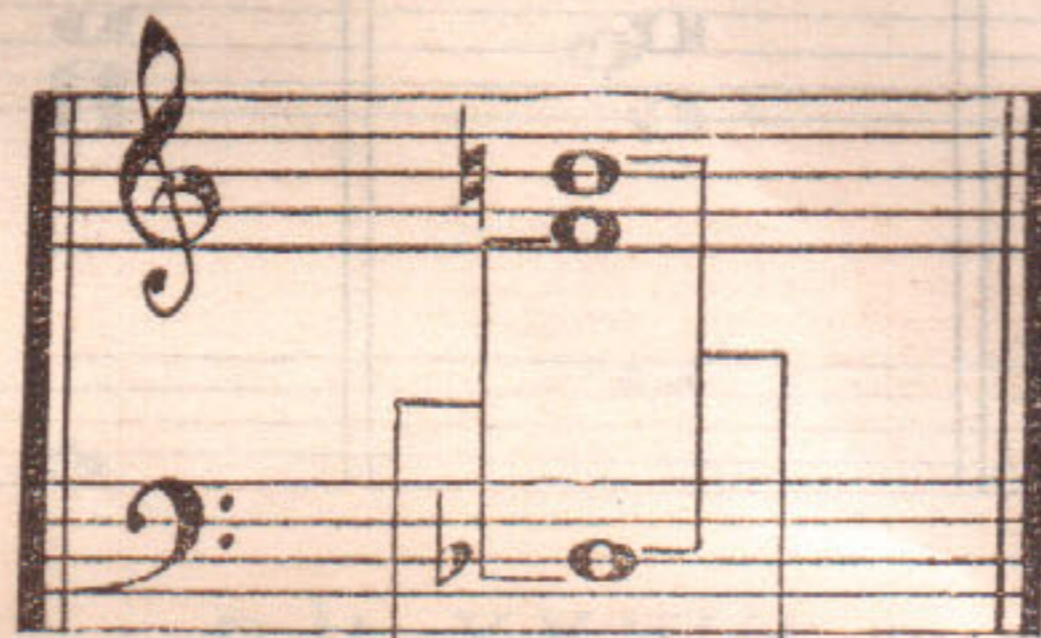
2o) **Thể đảo thứ nhì** : Hợp âm ngũ trình thêm về thể đảo thứ nhì gồm có những âm trình sau đây : tứ trình bớt và lục trình đoản. Muốn đặt số, chúng ta viết phân số 6 trên 4. Ví dụ :



HỢP ÂM LỤC TRÌNH THÊM
(ACCORD DE SIXTE AUGMENTÉE)

Hợp âm lục trình thêm là 1 hợp âm có tam trình trưởng và lục trình thêm. Ví dụ :

Hợp âm Lục trình thêm



Muốn đặt số cho hợp âm lục trình thêm, chúng ta viết số 6 bên mặt biến cung, nếu cần.

HỢP ÂM CHỦ ÂM LỤC TRÌNH (ACCORD DE TONIQUE AVEC SIXTE AJOUTÉE)

Hợp âm chủ âm lục trình mà chúng ta thường gọi tắt là hợp âm sáu ví dụ như Do sáu (C6) chỉ là hợp âm hoàn toàn chủ âm thêm lục trình trưởng.

Hợp âm chủ âm lục trình = hợp âm hoàn toàn chủ âm + lục trình trưởng

Chúng ta nên luôn nhớ rằng dù hợp âm hoàn toàn chủ âm là trưởng hay đoản thì lục trình thêm vào hợp âm ấy cũng phải là lục trình trưởng. Ví dụ:



hợp âm trưởng hợp âm đoản.

Chúng ta có câu nhạc sau đây, trong đó chúng ta có thể dùng hợp âm chủ âm lục trình :

NHẠC SẦU TƯƠNG TƯ (Ngọc-Bích) C6



CÂU HỎI

- 1o) Hợp âm thất trình là gì ? Viết 2 ví dụ.
- 2o) Có mấy thứ hợp âm thất trình ? Viết 2 ví dụ.
- 3o) Viết 3 thể đảo của hợp âm thất trình với cách đặt số.
- 4o) Hợp âm sau đây là hợp âm gì ?



5) Hợp âm hoá là gì ? Viết 2 ví dụ.

6) Hợp âm ngũ trình thêm là gì ? Viết 2 ví dụ.

7) Cho biết tên của những hợp âm sau đây. Và đặt số.



8) Thế nào gọi là hợp âm nghịch nhân tạo ? Những hợp âm nào là hợp âm nghịch nhân tạo ? Viết ví dụ.

9) Thế nào gọi là hợp âm nghịch tự nhiên ? Những hợp âm nào là hợp âm nghịch tự nhiên ? Viết ví dụ :

10) Những hợp âm sau đây là hợp âm gì ? Đặt số.



Handwritten signature in red ink.

BÀI XXXIII

Hoãn âm
Cốt âm

Hợp âm thập nhất chủ âm
Hợp âm thập tam chủ âm

(RETARD - PÉDALE)

ACCORD DE ONZIÈME TONIQUE. ACCORD DE TREIZIÈME TONIQUE)

DANH TỪ PHÁP DỊCH RA VIỆT

Retard	:	hoãn âm
Pédale	:	cốt âm
Accord de onzième tonique	:	hợp âm thập nhất chủ âm
Accord de treizième tonique	:	hợp âm thập tam chủ âm.
Retard supérieur	:	hoãn âm thượng
Retard inférieur	:	hoãn âm hạ



HOÃN ÂM

(RETARD)

Hoãn âm (Retard) là 1 âm hiệu trong hợp âm trước được kéo dài qua hợp âm sau, mặc dầu âm hiệu trong hợp âm trước không phải là âm hiệu cấu tạo của hợp âm sau.

Vi dụ

1o) CM G7 2o) FM CM



Hoãn âm

Trong 2 ví-dụ trên, chúng ta thấy có hoãn âm của âm hiệu Do trong ví-dụ 1 ở bè kim. Âm hiệu Do không phải là âm hiệu cấu-tạo của hợp âm sau là Sol bảy (G7). Và có hoãn âm của âm hiệu Fa trong ví-dụ 2 cũng ở bè kim. Âm hiệu Fa không phải là âm hiệu cấu tạo của hợp âm sau là hợp âm CM.

Hay nói 1 cách khác, tất cả các âm hiệu của 1 hợp âm có thể được kéo dài trong hợp âm sau. Âm hiệu được kéo dài đó gọi là **Hoãn âm**. Có 2 thứ hoãn âm :

1o) **Hoãn âm thượng** (retard supérieur). Chúng ta có hoãn âm thượng nếu âm hiệu được kéo dài ở hợp âm sau kết với âm hiệu sau nó thành chuyển động hướng hạ (đi xuống).

2o) **Hoãn âm hạ** (retard inférieur). Chúng ta có hoãn âm hạ nếu âm hiệu được kéo dài ở hợp âm sau kết với âm hiệu sau nó thành chuyển động hướng thượng (đi lên). Ví-dụ :



Hoãn âm thượng

Hoãn âm hạ

Tất cả các **hợp âm thuận, nghịch, hóa** có thể chịu ảnh-hưởng của hoãn âm nghĩa là có thể dùng hoãn âm được.

HỢP ÂM THẬP NHẤT CHỦ ÂM - THẬP TAM CHỦ ÂM

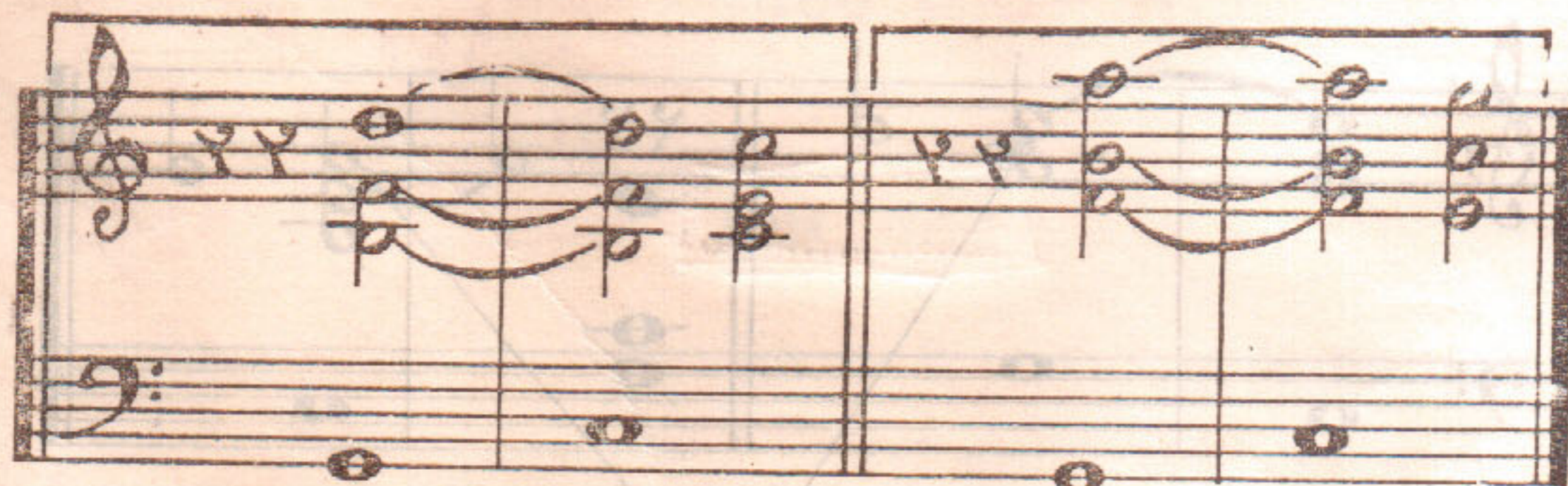
(ACCORD DE ONZIÈME TONIQUE, DE TREIZIÈME TONIQUE)

Hoãn âm của tất cả các âm hiệu của hợp âm thất trình áp âm hay cửu trình áp âm kéo dài ở hợp âm chủ âm được gọi là **hợp âm thập nhất chủ âm** hoặc **hợp âm thập tam chủ âm** (accord de onzième tonique, accord de treizième tonique).

Nếu có hoãn âm của tất cả các âm hiệu của hợp âm thất trình áp âm kéo dài ở hợp âm chủ âm thì hợp âm chủ âm được gọi là **hợp âm thập nhất chủ âm** (accord de onzième tonique).

Nếu có hoãn âm của tất cả các âm hiệu của hợp âm cửu trình áp âm kéo dài ở hợp âm chủ âm thì hợp âm chủ âm được gọi là **hợp âm thập tam chủ âm** (accord de treizième tonique) Ví-dụ :

Hợp âm thập nhất chủ âm Hợp âm thập tam chủ âm



7—5
+—

9—5
+—

- 3o) Viết 4 ví-dụ về hoãn âm : EM - AM ; Dm - FM ; Gm - BbM ; DM - GM.
- 4o) Có mấy thứ hoãn âm? Viết ví dụ.
- 5o) Hợp âm thập nhất chủ âm là gì? Viết ví-dụ.
- 6o) Hợp âm thập tam chủ âm là gì? Viết ví-dụ.
- 7o) Hợp âm sau cùng của hợp âm thập nhất và thập chủ âm tam là hợp âm nào? Viết ví-dụ.
- 8o) Cốt âm là gì? Viết ví-dụ.
- 9o) Cốt âm có thể dùng cho âm cấp nào? Viết 2 ví dụ.
- 10o) Cốt âm chấm dứt bằng hợp âm nào? Cốt âm được dùng nhiều nhất ở bè nào?

Xét thử trong các hợp âm sau đây, có hoãn âm không.



20 - X - 19
 Hợp âm
 Hợp âm

BÀI XXXIV

Âm hiệu hoa-mỹ

(ORNEMENT MÉLODIQUE)

DANH TỪ PHÁP DỊCH RA VIỆT:

- | | | |
|------------------------|---|----------------------------|
| Ornement mélodique | : | âm hiệu hoa.mỹ. |
| Note réelle | : | âm hiệu thực. |
| Note étrangère | : | âm hiệu lạ. |
| Note de passage | : | âm hiệu chuyển vận. |
| Broderie | : | âm hiệu cầm họa. |
| Appogiature | : | âm hiệu áp hoãn. |
| Anticipation | : | âm hiệu dự tiên. |
| Echappée | : | âm hiệu thoát ly. |
| Anticipation indirecte | : | âm hiệu dự tiên gián tiếp. |
| Broderie supérieure | : | âm hiệu cầm họa thượng. |
| Broderie inférieure | : | âm hiệu cầm họa hạ. |
| Broderie double | : | âm hiệu cầm họa đôi. |
| Broderie brodée | : | âm hiệu cầm họa kép. |
| Appogiature double | : | âm hiệu áp hoãn đôi. |
| Echappée double | : | âm hiệu thoát ly đôi. |

Chúng ta thấy rằng một nét nhạc không phải được viết ra chỉ nhờ những âm hiệu nằm trong hợp âm mà thôi đâu, mà còn nhờ những âm hiệu khác gọi là **âm hiệu hoa mỹ** (Ornement mélodique).

Trước khi định nghĩa **âm hiệu hoa mỹ**, chúng ta cần thanh toán 1 vài định nghĩa sau đây : **âm hiệu thực** (note réelle, principale) và **âm hiệu lạ** (note étrangère). Thường

thường, trong 1 câu nhạc, chúng ta nhận thấy có những âm hiệu nằm trong hợp âm, và đồng thời cũng có những âm hiệu nằm ngoài hợp âm. Những âm hiệu nằm trong hợp âm được gọi là **âm hiệu thực**. Những âm hiệu nằm ngoài hợp âm để liên kết những âm hiệu thực lại với nhau, được gọi là **âm hiệu lạ**. Ví dụ :

XUẤT QUẢN (Phạm-Duy)

GM



âm hiệu lạ

Trong đoạn nhạc trên, âm thể chính là Sol trưởng, hợp âm đầu cũng là hợp âm Sol trưởng. Sol nằm trong hợp âm GM. Sol là âm hiệu thực. Còn 2 âm hiệu Fa và La (có đánh dấu) không nằm trong hợp âm Sol, được gọi là **âm hiệu lạ**. Chúng ta có ví dụ khác :

DU' ÂM (Nguyễn-văn-Tý)



âm hiệu lạ

âm hiệu lạ

Trong đoạn nhạc trên, âm thể chính là DM. Hợp âm nằm trong mấy trường canh trên là DM. Những âm hiệu Fa-La-Ré là những âm hiệu nằm trong hợp âm. Chúng nó được gọi là **âm hiệu thực**. Còn những âm hiệu Sol Mi (có đánh dấu) không nằm trong hợp âm được gọi là **âm hiệu lạ**.

Những âm hiệu thực là những phần tử của hòa âm. Nghĩa là những âm hiệu thực có thể mang hợp âm được. Còn những âm hiệu lạ là những âm hiệu thoáng qua, không phải ở trong gia đình của hợp âm. Tuy thế chúng nó đóng vai trò khá quan trọng là liên lạc những âm hiệu thực với nhau. Những âm hiệu lạ giữ nhiệm vụ liên lạc, làm màu mỡ, hoa hoè cho những âm hiệu thực, được gọi là **âm hiệu hoa mỹ** (ornement mélodique).

Có những thứ âm hiệu hoa mỹ sau đây :

- 1o) Âm hiệu chuyển vận (note de passage).
- 2o) Âm hiệu cắm họa (broderie)
- 3o) Âm hiệu áp hoãn (appogiature).
- 4o) Âm hiệu dự tiên (anticipation).
- 5o) Âm hiệu thoát ly (échappée).

Lần lượt, chúng ta nghiên cứu từng loại âm hiệu hoa - mỹ một :

1o) **ÂM HIỆU CHUYỂN VẬN**
(NOTE DE PASSAGE)

Âm hiệu chuyển vận là tất cả những âm hiệu nằm giữa 2 âm hiệu thực bằng chuyển động liên hướng thượng hay hướng hạ. Ví-dụ :



âm hiệu chuyển vận có mang dấu thập

Trong ví-dụ trên, trường canh đầu nằm trong CM. Âm hiệu Ré (có đánh dấu x) là âm hiệu chuyển vận nằm giữa 2 âm hiệu thực Mi và Do, bằng chuyển động liền. Những trường canh cuối nằm trong hợp âm G7. Và những âm hiệu có đánh dấu thập đều là những âm hiệu chuyển vận.

Âm hiệu chuyển vận phần nhiều có 1 giá-trị thời gian ngắn. Nhưng chúng cũng có thể có 1 giá-trị thời-gian dài. Trong ví-dụ dưới đây âm hiệu chuyển vận có 1 giá-trị thời-gian dài (tương đối với những âm hiệu thực).



Âm hiệu chuyển vận có thể nằm trong tất cả các bè hoặc bằng chuyển động t'uan, hoặc bằng chuyển động ngược. Ví-dụ :



âm hiệu chuyển vận

Trong những âm giai toàn âm hoặc bán âm của 1 chuyển động nhanh, những âm hiệu được mang hòa-âm (hợp âm) là những âm hiệu thực khởi-hành và đến (départ, arrivée). Ví-dụ :



âm hiệu thực khởi hành mang hợp âm

âm hiệu thực đến mang hợp âm

2o) ÂM HIỆU CẨM HỌA (BRODERIE)

Âm hiệu cẩm họa (Broderie) là âm hiệu nằm giữa 2 âm hiệu thực đồng tên nhau,

và cách 2 âm hiệu thực đồng tên nhau 1 âm cấp. Hay nói 1 cách khác, âm hiệu cầm họa là âm hiệu cách âm hiệu thực 1 âm cấp để rồi trở về lại âm hiệu thực ấy. Ví dụ:

âm hiệu cầm họa

Có những thứ âm hiệu cầm họa sau đây :

1º) Âm hiệu cầm họa thượng (Broderie supérieure) (trên). Ví dụ :

2º) Âm hiệu cầm họa hạ (Broderie inférieure) (dưới). Ví dụ :

3º) Âm hiệu cầm họa đôi (Broderie doublé) (có 2 âm hiệu cầm họa). Ví dụ :

4º) Âm hiệu cầm họa kép (Broderie brodée) (có âm hiệu cầm họa rồi lại có âm hiệu cầm họa của âm hiệu cầm họa ấy). Ví dụ :

Âm hiệu cầm họa có thể có 1 giá trị thời gian ngắn hoặc dài. Trong tất cả các các thứ âm hiệu hoa mỹ thì âm hiệu chuyên vận và âm hiệu cầm họa là đợc dùng nhiều nhất.

3º) ÂM HIỆU DỰ TIÊN (ANTICIPATION)

Âm hiệu dự tiên (Anticipation) là 1 âm hiệu của hợp âm sau mà chúng ta cho nghe trước, trước khi đi đến hợp âm ấy.

Công-dụng của âm hiệu dự tiến là làm cho ảnh hưởng của âm hiệu thực nằm trong hợp âm thêm phần mạnh mẽ. Ví dụ :

âm hiệu dự tiến

âm hiệu dự tiến

âm hiệu dự tiến

Những âm hiệu Ré Mi có đánh dấu trong những ví dụ trên đều là những âm hiệu dự tiến. Giá trị thời gian của âm hiệu dự tiến rất ngắn. Vị trí của âm hiệu dự tiến là ở đầu mút của mỗi thì (temps). Thường thường âm hiệu dự tiến được dùng ở bè cao nhất. Đồng thời nó có thể dùng ở mọi bè. Ví dụ :

âm hiệu dự tiến ở mọi bè

âm hiệu dự tiến

Âm hiệu dự tiến được gọi là gián tiếp (anticipation indirecte) khi nào âm hiệu dự tiến là 1 âm hiệu khác âm hiệu cấu tạo của hợp âm sau. Trường hợp này được xem như là âm hiệu thoát ly (mà chúng ta sẽ học sau) Ví dụ :

âm hiệu dự tiến gián tiếp

4o) ÂM HIỆU ÁP HOÃN

(APPOGIATURE)

Âm hiệu áp hoãn (Appogiature) là một âm hiệu đặt cách âm hiệu thực 1 âm cấp (hoặc thấp hơn hoặc cao hơn âm hiệu thực 1 âm cấp). Âm hiệu áp hoãn được nằm ở thì mạnh hay ở phần mạnh của thì. Ví dụ :



âm hiệu áp hoãn

Âm hiệu áp hoãn có thể dùng cho tất cả các bè, nhưng thường thường được dùng cho bè cao nhất.

Âm hiệu áp hoãn có thể gồm có 2 âm hiệu mà chúng ta gọi là âm hiệu áp hoãn đôi (appogiature double). Ví dụ :



Âm hiệu áp hoãn có thể có âm hiệu dự tiễn hay âm hiệu cầm hòa đứng trước. Ví dụ :

d.t a.h d.t a.h d.t a.h c.h



Có thể có âm hiệu áp hoãn của âm hiệu dự tiễn. Ví dụ :

a.h d.t a.h d.t



Chúng ta dùng chữ a,h để chỉ âm hiệu áp hoãn, d,t để chỉ âm hiệu dự tiễn và c,h để chỉ âm hiệu cầm hòa.

5°) ÂM HIỆU THOÁT LY (ÉCHAPPÉE).

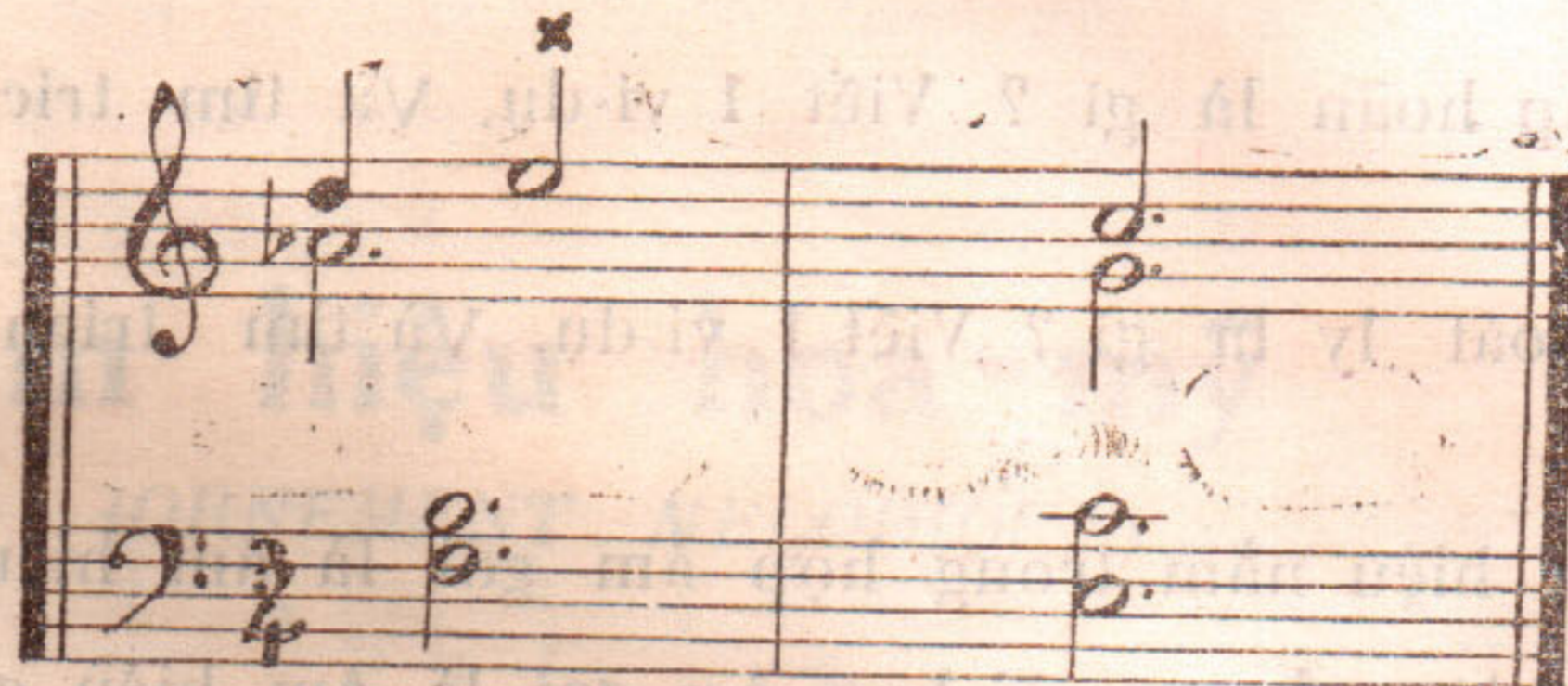
Âm hiệu thoát ly (Échappée) là 1 âm hiệu cách âm hiệu thực của hợp âm trước bằng chuyển động liền và cách âm hiệu thực của hợp âm sau bằng chuyển động cách. Ví dụ :



âm hiệu thoát ly.

âm hiệu thoát ly.

Âm hiệu thoát ly có thể có 1 giá trị thời gian dài. Ví dụ :



Âm hiệu thoát ly có thể có 2 âm hiệu mà chúng ta gọi là âm hiệu thoát ly đôi (échappée double). Ví dụ :



âm hiệu thoát ly đôi

Âm hiệu thoát ly có thể có âm hiệu cảm họa. Ví dụ :



Âm hiệu thoát ly có thể có âm hiệu áp hãm. Ví dụ :



CÂU-HOI

Có mấy thứ âm hiệu hoa mỹ?

1o) — Âm hiệu hoa mỹ là gì?

2o) — Âm hiệu chuyển vận là gì? Viết 1 ví-dụ. Và tìm trích 1 câu nhạc nào có âm hiệu chuyển vận

3o) — Âm hiệu cầm họa là gì? Viết 1 ví-dụ. Và tìm trích 1 câu nhạc nào có âm hiệu cầm họa

4o) — Âm hiệu dự tiễn là gì? Viết 1 ví-dụ. Và tìm trích 1 câu nhạc nào có âm hiệu dự tiễn.

5o) — Âm hiệu áp hoãn là gì? Viết 1 ví-dụ. Và tìm trích 1 câu nhạc nào có âm hiệu áp hoãn.

6o) — Âm hiệu thoát ly là gì? Viết 1 ví-dụ. Và tìm trích 1 câu nhạc nào có âm hiệu thoát ly.

6o) — Những âm hiệu nằm trong hợp âm gọi là âm hiệu gì? Viết 1 ví dụ.

8o) — Những âm hiệu nằm ngoài hợp âm gọi là âm hiệu gì? Viết 1 ví-dụ.

9o) — Nếu 1 câu nhạc chỉ dùng những âm hiệu trong hợp âm thôi và không có những âm hiệu hoa mỹ, thì câu nhạc đó sẽ thế nào?

10o) — Tìm những âm hiệu chuyển vận, cầm họa, áp hoãn, dự tiễn, thoát ly của đoạn nhạc dưới đây (ghi tắt trên hoặc dưới những âm hiệu ấy).



Có thể viết hợp âm như sau đây không? Vì sao? (Đề ý đến âm hiệu Ré).



20-1X-1957
Langmuon

BÀI XXXV

Tổng kết về hòa-âm

Chúng ta đã học xong chương-trình hòa âm. Chúng ta đã nghiên-cứu từng chi tiết tỷ mỉ của hòa âm. Sau 34 bài học-tập về hòa âm, chúng ta đã nhận thức được hòa âm là gì, đã có một kiến-thức khá đầy đủ về hòa-âm. Chúng ta đã học lý-thuyết. Chúng ta chỉ còn làm tròn nhiệm-vụ cuối cùng nữa là áp-dụng lý-thuyết đó vào thực-hành. Hay nói 1 cách khác, chúng ta phải thực-hành-hóa lý-thuyết mà chúng ta đã học. Vì thường thường lĩnh-hội lý-thuyết là 1 vấn-đề, nhưng áp-dụng lý-thuyết lại là 1 vấn-đề khác. Hai vấn-đề ấy hoàn-toàn khác nhau. Cho nên trong bài tổng-kết này chúng ta có thể thanh toán được vấn đề mà chúng ta thường thường đặt ra :

« Học hòa-âm để làm gì ? »

Tất cả chúng ta đã thông qua chương trình hòa âm. Tuy thế, chúng ta có thể đặt câu hỏi trên. Bài này không có mục đích nào ngoài sự trả lời dứt khoát câu hỏi đó. Đáp được câu hỏi trên là chúng ta đã gỡ được nút thắt mắc cuối cùng của chúng ta về hòa-âm. Chúng ta đi vào vấn đề :

« Học hòa-âm để làm gì ? »

Chúng ta học hòa-âm cũng như 1 người họa sĩ tập kiểm màu, pha màu, trộn màu và dùng màu. Họa-sĩ học trộn màu, kiểm màu, pha màu, dùng màu với mục đích làm cho bức tranh của họ có màu đẹp mắt, sắc hòa hợp và một khi màu sắc được khéo lựa chọn và xử-dụng tài tình thì nét họa, đường vẽ lại tăng thêm vẻ mỹ-miêu, ngoạn-mục, uyển chuyển, duyên-dáng.

Chúng ta học hòa âm (cũng như họa-sĩ) cốt để làm cho bài nhạc của chúng ta có màu sắc lại thêm màu sắc, và màu sắc phải hòa-hợp đúng điệu với nhau. Đó là chúng ta chỉ bàn vấn đề 1 cách đại quan. Đi sâu vào chi tiết chúng ta có thể đề cập đến công-dụng của hòa-âm như sau :

Nhờ học hòa-âm, chúng ta có thể biết cách xử dụng những yếu tố sau đây :

1o) — Cách dùng âm trình.

2o) — Cách dùng âm thứ.

3o) — Cách dùng âm giai.

4o) — Cách đặt bè cho 1 bài nhạc.

5o) — Cách dùng hợp âm.

6o).— Cách dùng những thứ giai kết. Giai kết đóng 1 vai-trò tối quan-trọng trong âm-nhạc. Nếu không có giai kết thì bài nhạc không có mạch-lạc, không rõ ràng, nét nhạc không uyển - chuyển, êm - tai, câu nhạc không thành hình. . .

7o).— Cách dùng chuyển âm của từng câu nhạc, của bài nhạc. Chuyển âm cũng như giai kết có thể nói là những yếu-tố chi-phối một phần lớn bài nhạc. Một bài nhạc không chuyển âm là 1 bài nhạc không hồn. Nhưng một bài nhạc áp - dụng chuyển âm sai là 1 bài nhạc bỏ đi, cũng như một cái máy mà những bộ-phận được lắp sai chỗ.

8o).— Cách dùng các thứ hợp âm khác nhau, như hợp âm thuận và hợp âm nghịch.

9o).— Cách dùng các âm hiệu hoa mỹ trong câu nhạc.

10o).— Cách dùng hài âm hành cấp, phỏng tạo, cốt âm, hoãn âm v.v.

Mới tổng-kết khái- quát mà chúng ta nhận thấy rằng hòa âm rất quan trọng trong âm - nhạc, không khác nào 1 anh kếp nhất trong gánh hát vậy.

Nói tóm lại, sau khi nêu sơ qua 10 điểm ích - lợi của hoà âm, chúng ta đều cho rằng hoà âm rất bổ-ích cho chúng ta trong việc học tập sáng-tác. Nếu nòng nôi thì chúng ta cũng có thể bảo rằng chúng ta không thể sáng-tác được mặc dầu đã học hết hòa âm. Chúng ta đã lầm! Hòa âm chỉ là cái căn-bản tối-thiểu của chúng ta để sáng tác. Thoạt trông chúng ta tưởng rằng hòa-âm không dính liu gì đến sáng-tác. Nhưng suy kỹ, nghĩ cùng, chúng ta mới nhận thức được rằng hòa âm và sáng-tác tương-quan mật-thiết với nhau, liên lạc với nhau như hình và bóng. Có thể học hòa âm mà không học sáng-tác, chứ không bao giờ có thể sáng-tác mà không học đến hòa-âm. Chúng ta có thể nào sáng-tác được 1 bài nhạc không nếu chúng ta không biết hợp âm là gì, giai kết là gì, chuyển âm là gì? Chúng ta có thể trả lời 1 cách hùng-hồn rằng : « ngàn lần không ». Nhưng cũng có trường - hợp có nhiều người không biết gì đến hòa - âm mà vẫn sáng - tác được. Chuyện đó không hiếm. Tuy thế, những người đã sáng - tác vội-vàng, hấp - tấp, bừa bãi ấy không thể ý - thức được họ đã viết những gì trong bài nhạc của họ, không biết rằng những cái họ đã viết ra là đúng hay sai. Trường hợp này chẳng khác nào trường - hợp của anh chàng không biết gì là cú - pháp, văn - phạm, thi - luật mà dám làm thơ.

Nói thế, chúng ta có mục-dịch bảo rằng : Hòa-âm và Sáng-tác có liên-quan mật-thiết với nhau. Và muốn sáng-tác được thì phải học hòa âm. Nói thế, chúng ta lại muốn nói rằng những luật sáng-tác 1 phần nào nằm trong hòa-âm cũng như những câu thơ hay những lời văn đẹp của một áng thơ có nguồn gốc, được thoát thai từ những bài giáo khoa về văn phạm của chương trình lớp nhất, lớp nhì bậc tiểu học.

Vấn đề đáng đặt ra là :

«**Muốn sáng-tác phải học hòa-âm**» hay đúng hơn là :

«**Muốn sáng-tác đúng, muốn sáng-tác hay, phải học hòa-âm chu đáo**».

Công việc đó, công việc học hòa-âm, chúng ta đã làm xong. Chương-trình thứ hai phải thực-hiện là sáng-tác. Muốn thế, 1 lần nữa, chúng ta nhấn mạnh : « Ôn lại chương trình hòa âm ».

Ôn xong chương-trình hòa-âm, chúng ta bắt đầu bước chân vào lĩnh-vực sáng-tác.

Và chúng ta hãy chuẩn bị 1 hành-lý hòa-âm thật đầy đủ, với 1 tinh-thần phiêu-lưu thật bền-bĩ, để chúng ta lên đường đến viếng xứ sáng-tác, xứ «tâm hồn», trong 1 bài sau.

(Trước khi làm những câu hỏi dưới đây, phải ôn lại chương trình hòa-âm. Khi trả lời, tuyệt-đối đừng nhìn vào bài để có thể kiểm-soát sức linh-hội của chúng ta).

CÂU HỎI

- 1o) Về âm trình, nên tránh những âm trình nào? Viết ví dụ.
- 2o) Có mấy thứ chuyển động hòa điệu? Loại nào tốt nhất? Viết ví dụ.
- 3o) Có mấy thứ hợp âm? Thành-phần cấu-tạo của nó? Viết ví dụ.
- 4o) Ngũ trình, bát trình thuận là gì? Ngũ trình, bát trình liên tiếp là gì? Viết ví dụ.
- 5o) Giai kết là gì? Có mấy thứ giai kết? Viết ví dụ. Công dụng của mỗi thứ giai kết?
- 6o) Có thể viết 1 nhạc-phẩm chỉ với 1 âm thể không?
- 7o) Nếu không thì phải làm thế nào? Viết ví dụ.
- 8o) Chuyển âm là gì? Phân biệt chuyển âm và đổi âm thể. Viết ví dụ.
- 9o) Có mấy thứ chuyển âm chính? Thứ chuyển âm nào được dùng nhiều nhất? Viết ví dụ.
- 10o) Hải âm hành cấp là gì? Công-dụng của nó? Viết ví dụ.
Phỏng tạo là gì? Viết ví dụ.
Cốt âm là gì? Viết ví dụ.
Hoãn âm là gì? Viết ví dụ.
Viết những ví dụ về âm hiệu hoa-mỹ.

Dong 21-9-1955
Lusennan 2h

Trông thấy rất là phần lời